



## Mục lục

### SỰ KIỆN

- 3 Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: Chung sức, đồng lòng để chiến thắng đại dịch COVID-19

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 6 TẠ NGỌC TẤN:  
Lênin và cuộc đấu tranh để xây dựng Nhà nước xô-viết vững mạnh
- 14 VŨ VĂN HIỀN:  
Lênin với cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- 24 NGUYỄN VĂN THẠO:  
Vận dụng tư tưởng của Lênin về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam

**42 PHẠM VĂN LINH:**

Tư tưởng của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới và sự vận dụng vào thực tiễn Việt Nam

---

**53 NGUYỄN VIẾT THÔNG:**

Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp

---

**LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

---

**60 VŨ VĂN TIẾN:**

Mô hình “công đoàn phúc lợi” và “công đoàn thương lượng phúc lợi”

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**66 Chính phủ Việt Nam đạt tín nhiệm cao nhất trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19**

---

**67 Những xu hướng kinh tế mới từ dịch COVID-19**

---



SỰ KIỆN

# TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN PHÚ TRỌNG: CHUNG SỨC, ĐỒNG LÒNG ĐỂ CHIẾN THẮNG ĐẠI DỊCH COVID-19!

Trước tình hình đại dịch COVID-19 đang tiếp tục lan rộng trên toàn cầu, tác động sâu sắc toàn diện tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia, trong đó có Việt Nam, ngày 30/3, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã ra Lời kêu gọi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, hãy đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời nỗ lực hợp tác thiết thực, phối hợp kịp thời với các nước, bảo đảm chiến thắng đại dịch này.

Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn Lời kêu gọi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng:

## LỜI KÊU GỌI CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN PHÚ TRỌNG GỬI ĐỒNG BÀO, CHIẾN SĨ CẢ NƯỚC VÀ ĐỒNG BÀO TA Ở NƯỚC NGOÀI

**T**hưa đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, Đại dịch COVID-19 đang tiếp tục lan rộng trên toàn cầu, tác động sâu sắc toàn diện tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia. Đến nay, đã có trên 72 vạn người nhiễm bệnh, gần 3,5 vạn người tử vong ở gần 200 quốc gia và vùng

lãnh thổ trên thế giới. Tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, khó lường, có thể còn gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng hơn nữa.

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19, các ngành, các cấp, các địa phương, cả hệ thống chính trị đã đoàn kết, thống nhất triển khai quyết liệt nhiều biện pháp đồng bộ, vừa ngăn chặn, hạn chế tốc độ lây lan của dịch bệnh, vừa bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh, an toàn xã hội; bước đầu đã thu được nhiều kết quả tích cực, thể hiện sức mạnh đoàn kết dân tộc, sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong cuộc chiến đấu chống đại dịch, được thế giới ghi nhận và đánh giá cao.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương sự vào cuộc của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương tới cơ sở; biểu dương sự nỗ lực không mệt mỏi của ngành Y tế, lực

lượng quân đội, công an và các ban, bộ, ngành Trung ương; sự vào cuộc kịp thời, tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan thông tấn, báo chí. Đặc biệt, tôi cảm ơn đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đã tin tưởng, ủng hộ và nhiệt tình hưởng ứng công tác phòng, chống dịch bệnh.

Hiện nay, chúng ta đang ở vào thời điểm nguy cơ lây nhiễm trong cộng đồng ngày càng lớn, toàn hệ thống chính trị phải tập trung cao độ để tiếp tục chủ động ngăn chặn và kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh; không quá hốt hoảng nhưng tuyệt đối không được chủ quan, lơ là; phải nắm chắc tình hình, dự báo khả năng xấu nhất, kịp thời để ra các biện pháp hữu hiệu để kiểm soát, ngăn chặn bằng được sự lan rộng lây nhiễm. Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, mỗi địa phương cần bám sát sự chỉ đạo của cấp trên, chủ động và phối hợp chặt chẽ hơn nữa để thực hiện các công việc phòng, chống dịch; ưu tiên nguồn lực, thời gian và công sức cho công việc hệ trọng này.

Thưa đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài,

Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, nhân nghĩa. Mỗi khi đất nước gặp khó khăn, truyền thống đó lại càng được nhân lên gấp bội. Thời gian qua, toàn dân ta đã đồng lòng, cùng chung sức với Đảng, Nhà nước ngăn ngừa và kiểm soát dịch bệnh bước đầu có hiệu quả. Thời gian tới đây, chúng ta có thể sẽ còn phải đối mặt với khó khăn lớn hơn gấp nhiều lần, đòi hỏi sự nỗ lực nhiều hơn nữa, kiên quyết hơn nữa.

Trong cuộc chiến phòng, chống dịch ở vào thời điểm vô cùng quan trọng này, một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh chắc chắn sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân, cũng như cuộc sống hằng ngày của đồng bào ta. Với tinh thần coi sức khỏe và tính mạng của con người là trên hết, tôi kêu gọi toàn thể đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài hãy đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều

hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận phòng, chống dịch bệnh.

Là một thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam bày tỏ sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông sâu sắc và đang hết sức cố gắng, nỗ lực hợp tác thiết thực, phối hợp kịp thời với các nước, nhất là các nước bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Tôi cho rằng, trong tình hình hiện nay, sự đoàn kết và phối hợp hành động toàn cầu là cơ sở bảo đảm chắc chắn cho chiến thắng cuối cùng của thế giới trước đại dịch này.

Toàn thể dân tộc Việt Nam ta hãy cùng chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức để chiến thắng đại dịch COVID-19!

*Thân ái!* ■

**NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

*(Tổng Bí thư*

*Ban Chấp hành Trung ương*

*Đảng Cộng sản Việt Nam,*

*Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội*

*chủ nghĩa Việt Nam)*



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# LÊ NIN VÀ CUỘC ĐẤU TRANH ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC XÔ-VIỆT VỮNG MẠNH

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

**N**gay trong ngày đầu tiên của Cách mạng Tháng Mười, ngày 7-11-1917, tại phiên họp của Đại hội II toàn Nga các Xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân tổ chức tại Pê-trô-grát, V.I.Lênin đã tuyên bố với cả thế giới về thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản vĩ đại và nhấn mạnh: “Và giờ đây, ở nước Nga, chúng ta cần phải đặt hết tâm trí vào việc xây dựng một nhà nước vô sản xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Ông đã phác họa ra hình hài đầu tiên khái quát nhất của nhà nước mới sau khi đã phá hủy đến tận gốc bộ máy nhà nước cũ, đó là “một bộ máy quản lý mới sẽ được thành lập dưới hình thức các tổ chức xô-viết”. Chính phủ xô-viết đầu tiên được thành lập với tên gọi là Hội đồng bộ trưởng dân ủy

với 13 bộ do V.I.Lênin là Chủ tịch, riêng ghế Bộ trưởng dân ủy Đường sắt còn bỏ trống. Dưới sự lãnh đạo của V.I.Lênin và Đảng công nhân xã hội - dân chủ (bôn-sê-vích) Nga (tức là Đảng Cộng sản), Nhà nước xô-viết non trẻ đã quản lý đất nước, tổ chức cuộc chiến đấu oanh liệt chống thù trong, giặc ngoài, tổ chức công cuộc cải tạo và phát triển nền kinh tế, đưa đất nước vượt qua những thử thách khắc nghiệt, kể cả lúc lâm vào những tình hình thế “nguy ngập”, “nguy hiểm nhất và gian khổ nhất”, để giành được những thắng lợi to lớn. Một trong những công lao vĩ đại của V.I.Lênin là đã dự báo, phát hiện và đấu tranh không khoan nhượng với những nhận thức sai lầm, những căn bệnh có hại và những hiện tượng tham ô,

tiêu cực để bảo vệ những nguyên tắc cơ bản, không ngừng xây dựng, củng cố nhà nước xô-viết vững mạnh.

Vấn đề đầu tiên, chính là cuộc *đấu tranh để giữ vững những nguyên tắc của nhà nước vô sản*. V.I.Lênin đã tiến hành cuộc đấu tranh kiên trì, liên tục, không khoan nhượng với mọi nhận thức sai lầm, mọi sự xuyên tạc, phá hoại về tính chất, vai trò, chức năng của nhà nước vô sản, từ âm mưu lập “chính phủ chủ nghĩa xã hội thuần nhất” của các đảng men-sê-vích và nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng; sự xuyên tạc bản chất chuyên chính vô sản của Cau-xki và những kẻ cơ hội trong đảng; đến bệnh ấu trĩ tả khuynh trong nội bộ đảng phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng đối với nhà nước xô-viết; quan điểm sai lầm của Tơ-rốt-kít và những người phái “tả” trong đảng chống lại chính sách kinh tế mới và việc thực hiện dân chủ rộng rãi, đòi “nhà nước hóa” tổ chức công đoàn, v.v.. Phản bác lại ý kiến của Cau-xki về tính chất dân chủ của chế độ xô-viết, V.I.Lênin khẳng định rằng, chính quyền xô-viết được thành lập do thành quả của Cách mạng Tháng Mười là “một chế độ

dân chủ vô cùng cao hơn và rộng hơn tất cả những chế độ dân chủ trước kia trên thế giới và mở đầu công cuộc sáng tạo của hàng chục triệu công nhân và nông dân nhằm thực hiện chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn”<sup>2</sup>. V.I.Lênin đã viết một loạt tác phẩm như “Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xki”, “Bàn về chuyên chính vô sản”, “Bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản”, “Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô-viết”..., để nhanh chóng cập nhật tình hình, phân tích, phê phán những sai lầm, chỉ ra bản chất những âm mưu chống phá cách mạng, trình bày một cách hệ thống những nguyên lý, lý luận về nhà nước vô sản, chuyên chính vô sản, hướng dẫn tư tưởng và nhận thức cho cán bộ, đảng viên.

Để xây dựng một nhà nước xô-viết vững mạnh, đủ sức đương đầu với những thử thách vô cùng khó khăn, phức tạp, V.I.Lênin đặc biệt quan tâm đến *vấn đề giáo dục, bồi dưỡng, lựa chọn sử dụng cán bộ, chuyên gia*. Ông đòi hỏi đội ngũ thanh niên phải học tập, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa cộng sản, tiếp thu những tri thức tinh hoa, hiện đại của nhân loại, “lấy chủ

nghĩa cộng sản làm kim chỉ nam cho công tác thực tiễn của mình” để kế tục sự nghiệp cách mạng, gánh vác nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông yêu cầu lựa chọn những công nhân, chiến sỹ hồng quân đã qua thử thách, chúng tỏ sự trung thành với cách mạng và năng lực công tác để đưa vào bộ máy quản lý nhà nước. “Nhiệm vụ của chúng ta là qua thí nghiệm mà thu hút nhiều chuyên gia, rồi bồi dưỡng lớp cán bộ lãnh đạo mới, lớp chuyên gia mới để họ học cho bằng được công tác quản lý, một công tác mới, hết sức khó khăn, phức tạp, để thay thế chuyên gia cũ”<sup>3</sup>.

Chỉ riêng vấn đề sử dụng chuyên gia tư sản trong chỉ huy, quản lý sản xuất đã là một cuộc đấu tranh gian khổ, khó khăn với cả những người “hữu khuynh” lẫn phái “tả khuynh” trong nội bộ đảng ngay từ những ngày đầu của nhà nước xô-viết. V.I.Lênin đã đưa ra những cơ sở cả về lý luận lẫn thực tiễn để phê phán mọi ý kiến chống đối, kiên quyết bảo vệ việc sử dụng các chuyên gia tư sản. V.I.Lênin cho rằng, nước Nga có thể thực hiện được chủ nghĩa xã hội hay không là tùy thuộc vào kết quả việc kết hợp giữa chế độ

quản lý của Chính quyền xô-viết với “những tiến bộ mới nhất của chủ nghĩa tư bản”, biến tất cả những cái vốn vô cùng phong phú về văn hóa, tri thức và kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã tích lũy được “từ chỗ là công cụ của chủ nghĩa tư bản thành công cụ của chủ nghĩa xã hội”<sup>4</sup>. Một trong số cái vốn đó chính là những trí thức, kỹ sư, nhà quản lý được đào tạo và đã phục vụ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Việc sử dụng họ không chỉ phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế, quản lý xã hội hiện tại, mà còn để đào tạo đội ngũ chuyên gia cho tương lai.

V.I.Lênin rất coi trọng và luôn đòi hỏi *nâng cao tính kỷ luật* trong hệ thống tổ chức của Nhà nước xô-viết. Ông coi tính kỷ luật như một tính chất đặc trưng, một điều kiện tiên quyết bảo đảm cho hiệu quả hoạt động của Nhà nước xô-viết. Càng vào những thời điểm khó khăn của cách mạng, Ông càng đòi hỏi tính kỷ luật cao hơn, nghiêm khắc hơn đối với các đảng viên cộng sản và cán bộ trong hệ thống nhà nước. Việc nâng cao tính kỷ luật luôn gắn liền với yêu cầu về tổ chức và cơ chế vận hành của bộ máy các cơ quan. Trong “Sơ



thảo quy chế về công tác quản lý các cơ quan xô-viết”, V.I.Lênin yêu cầu củng cố kỷ luật trong các cơ quan xô-viết trên cơ sở “phân công, phân nhiệm một cách rõ ràng giữa các ủy viên trong hội đồng phụ trách hay giữa các nhân viên phụ trách”, quy định hết sức cụ thể và rõ ràng “trách nhiệm của các nhân viên đang thi hành những nhiệm vụ riêng biệt, bắt luận là nhiệm vụ gì”<sup>5</sup>. Ông cũng đòi hỏi tăng cường tính chủ động của các xô-viết các địa phương, thông qua hoạt động của các xô-viết địa phương có thể kiểm tra lại hoạt động của các cơ quan trung ương.

Trong tác phẩm “Sáng kiến vĩ đại” nói về phong trào “Ngày thứ bảy lao động cộng sản”, V.I.Lênin cho rằng, sự bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là việc giai cấp vô sản “đưa ra và thực hiện được một kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản” và kết quả của nó sẽ là năng suất lao động cao hơn. Kiểu tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa xã hội “sẽ ngày càng dựa vào một kỷ luật tự giác và tự nguyện của chính ngay những người lao động”. Nhưng, theo V.I.Lênin, “Kỷ luật mới này không

phải từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải do những mong ước thành tâm nào mà sinh ra được; nó xuất hiện từ những điều kiện vật chất của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, và chỉ xuất hiện từ những điều kiện đó thôi. Không có những điều kiện này, kỷ luật đó không thể có được”<sup>6</sup>. Đây chính là logic rất chặt chẽ nhưng cũng rất thực tế để dẫn đến đòi hỏi tất yếu là phải thực hiện kế hoạch điện khí hóa nhằm phát triển nền sản xuất lớn của nước Cộng hòa xô-viết làm cơ sở vật chất cho việc xây dựng, củng cố kỷ luật tự giác của người lao động. Và chính V.I.Lênin chứ không phải ai khác, đã trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch điện khí hóa nước Nga (Gô-en-rô). Trả lời tờ báo Anh “Daily Express”, ông khẳng định với sự tin tưởng sâu sắc rằng, “Việc điện khí hóa sẽ hồi sinh nước Nga. Điện khí hóa trên cơ sở chế độ xô-viết, sẽ làm cho những nguyên tắc của chế độ cộng sản, những nguyên tắc của một đời sống văn minh không có bọn bóc lột, không có các nhà tư bản, không có địa chủ, không có bọn con buôn, hoàn toàn thắng lợi ở nước chúng tôi”<sup>7</sup>.

V.I.Lênin đã cảnh báo từ rất sớm và đấu tranh rất quyết liệt với căn bệnh quan liêu, giấy tờ, “tác phong lễ mễ” trong các cơ quan nhà nước xô-viết, coi đó là “nhiệm vụ chính trị” của đảng và Nhà nước xô-viết. Ông cho rằng, đó là thứ bệnh xuất phát từ “trình độ văn hóa” và “sự nghèo khổ tột độ vì chiến tranh”. Bởi vậy, chống căn bệnh này thực sự là một cuộc đấu tranh khó khăn, phải kiên trì nhiều năm, phải thử nghiệm nhiều cách trên thực tế, “áp dụng các phương thức muôn hình, muôn vẻ để đạt tới đích”<sup>8</sup>.

Trong 6 bức thư gửi đồng chí Txi-u-ru-xa, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng dân ủy, viết trong thời gian từ 24-1 đến 7-2-1922, V.I.Lênin đã vô cùng bức xúc về tình trạng quan liêu, giấy tờ của bộ máy các cơ quan nhà nước: Hội đồng bộ trưởng dân ủy, Hội đồng lao động và quốc phòng và Ủy ban tối cao về kinh tế. Ông gọi tình trạng đó là “vũng lầy quan liêu chủ nghĩa đáng nguyên rủa”, “vũng lầy quan liêu chủ nghĩa dơ bẩn của các “cục” và “vụ”, và do đó cần phải có những biện pháp quyết liệt để thoát ra khỏi chúng. Ông cho rằng, các Hội đồng “thiếu kiểm tra việc thực hiện”,

hợp quá nhiều và bàn quá nhiều “những vấn đề vụn vặt”, bộ máy văn phòng Hội đồng bộ trưởng dân ủy “có đến  $\frac{3}{4}$  không làm việc”. V.I.Lênin yêu cầu “Không phải là ra những sắc lệnh, tiến hành các cuộc cải tổ mà là lựa chọn người; thiết lập chế độ trách nhiệm cá nhân đối với công việc đang làm; kiểm tra công việc thực tế. Nếu không như thế thì không thể thoát ra khỏi chủ nghĩa quan liêu và bệnh giấy tờ đang bóp nghẹt chúng ta”<sup>9</sup>. V.I.Lênin từng cảnh báo rằng, “các phần tử phản cách mạng và bệnh quan liêu trong các tổng cục, các cơ quan trung ương và các nông trường quốc doanh” nhiều hơn trong lĩnh vực quân sự bởi vì công tác cán bộ của đảng ở đó không được chú ý, đảng chưa đưa tới đó những đảng viên trung kiên. Việc chỉ ra những biểu hiện cụ thể về căn bệnh quan liêu giấy tờ ở những cơ quan đầu não của Nhà nước xô-viết, một mặt phản ánh tình trạng đã đến mức nặng nề, phức tạp, cần phải nhanh chóng khắc phục. Mặt khác, đó cũng chính là biểu thị rõ nhất thái độ quyết liệt, thẳng thắn, không khoan nhượng của V.I.Lênin trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa

quan liêu, giấy tờ nhằm xây dựng Nhà nước xô-viết vững mạnh.

*Đấu tranh chống tham ô, hối lộ* là vấn đề được V.I.Lênin rất quan tâm, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhà nước xô-viết. Là người đứng đầu Nhà nước, song V.I.Lênin thấu hiểu kỹ càng thực tế trong các cơ quan xô-viết, trong đó có tình trạng thực tế của nạn tham ô. Ông chỉ ra rằng, “Bên cạnh những cơ quan đã nhìn thấy tính chất phổ biến của cái tệ đó mà đấu tranh với nó, còn có những cơ quan thường trả lời là “trong ngành chúng tôi, hoặc trong cơ quan, hoặc trong xí nghiệp không có tình trạng tham ô”, “mọi việc đều tốt”<sup>10</sup>. Ông yêu cầu phải có những biện pháp cụ thể để loại trừ nạn tham ô ra khỏi các cơ quan nhà nước, ví dụ, mỗi cơ quan phải báo cáo để đặng 2 tháng một lần về thực trạng vấn đề tham ô, biện pháp đấu tranh thế nào, những kẻ nào bị truy tố, trong đó có cán bộ lãnh đạo không.

V.I.Lênin coi nạn hối lộ là “kẻ thù thứ ba” trong con người cộng sản, sau “tính kiêu căng” và “nạn mù chữ”. Việc loại trừ nạn hối lộ ra khỏi hệ thống tổ chức nhà nước xô-viết

chính là một điều kiện bắt buộc để củng cố hàng ngũ và tăng cường năng lực công tác của mỗi cơ quan, đơn vị. “Nếu còn có một hiện tượng như nạn hối lộ, nếu còn có thể hối lộ được, thì cũng không thể nói đến chính trị được... Một đạo luật chỉ có thể đưa đến kết quả xấu hơn, nếu trên thực tế nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành”<sup>11</sup>.

Ngay trong điều kiện nhà nước xô-viết còn rất non trẻ và hoạt động trong điều kiện rất khó khăn, phức tạp, V.I.Lênin vẫn rất quan tâm đến việc *đổi mới tổ chức và tinh giản bộ máy trong các cơ quan* nhà nước, quyết liệt đấu tranh giảm thiểu những bộ phận thừa, trùng chéo nhau về nhiệm vụ, kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, nhân viên thiếu tính kỷ luật, không đủ năng lực công tác, không hoàn thành nhiệm vụ, những phần tử cơ hội “chui” vào tổ chức đảng và nhà nước. Ông cho rằng, đây là một công việc phải làm thường xuyên, “tốn thời gian”, phải trải qua “nhiều, rất nhiều năm tháng”, bởi vì hiện tại nước Cộng hòa xô-viết chưa có được bộ máy nhà nước đúng theo yêu cầu,

thậm chí còn thiếu rất nhiều “điều kiện” để xây dựng nhà nước đó.

Vào tháng 12-1918, nghĩa là chỉ hơn một năm sau ngày Chính phủ xô-viết được thành lập, khi nói về quy chế công tác quản lý các cơ quan xô-viết, V.I.Lênin đã yêu cầu: “kiên quyết thống nhất, hợp nhất các cơ quan, ban, cục, vụ có công việc giống nhau”. Nên nhớ rằng, có lúc V.I.Lênin đã cảnh báo, có đến  $\frac{3}{4}$  cán bộ văn phòng Hội đồng bộ trưởng dân ủy không làm việc. Đó là một nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tình trạng quan liêu, giấy tờ, chậm giải quyết công việc ở cơ quan đầu não của nhà nước. Trong thư gửi Bộ chính trị ngày 3-3-1922, V.I.Lênin nhấn mạnh hai nhiệm vụ đặt ra cho Bộ dân ủy tài chính là “giảm biên chế thật sự và giảm thật kiên quyết”, dạy cho cán bộ về buôn bán và làm cho các cơ quan thương nghiệp không “lẽ mề”.

Đặc biệt, trong tác phẩm “Thà ít mà tốt” viết xong ngày 2-3-1923, tức là trước khi V.I.Lênin từ trần hơn một năm một tháng, ông đã phải thốt lên rằng, tình trạng bộ máy nhà nước xô-viết hiện thời là “rất đáng buồn”, “rất tồi tệ” và đã đến lúc “phải suy nghĩ nghiêm chỉnh xem nên

khắc phục những khuyết điểm của bộ máy ấy như thế nào”. Ông cho rằng: “Chỉ có làm cho bộ máy của chúng ta trong sạch đến tột mức, chỉ có giảm đến mức tối đa những cái không tuyệt đối cần thiết, chúng ta mới có thể đứng vững được”<sup>12</sup>.

Có một vấn đề bây giờ chúng ta mới bàn đến thì từ gần 100 năm trước, V.I.Lênin đã nêu ra với đầy đủ lý lẽ, cơ sở thực tế, đó là vấn đề “kết hợp” một cơ quan đảng với một cơ quan chính quyền xô-viết”. Trong tác phẩm “Thà ít mà tốt”, V.I.Lênin cho rằng, việc kết hợp linh hoạt, độc đáo giữa một cơ quan đảng và một cơ quan nhà nước chính là “một nguồn sức mạnh phi thường trong chính sách của chúng ta”, là vì chính “lợi ích của công việc đòi hỏi phải làm như thế”. Ông lấy ví dụ về hoạt động của Bộ dân ủy ngoại giao với công tác đối ngoại của đảng và công tác Kiểm tra đảng với Thanh tra nhà nước xô-viết để phân tích, chỉ ra kinh nghiệm tốt trong thực tế, sự cần thiết phải hợp nhất và những lợi ích không thể chối cãi của sự kết hợp đó. Đối với những ai còn hoài nghi với những lý do khác nhau, V.I.Lênin cho rằng: “Về phần

tôi, tôi thấy làm như vậy không có trở ngại gì cả. Hơn nữa, tôi tin rằng, sự hợp nhất ấy là điều bảo đảm duy nhất cho một hoạt động có kết quả. Tôi nghĩ rằng, tất cả mọi hoài nghi đối với điều đó đều phát ra từ những xô xỉnh bụi bặm nhất của bộ máy nhà nước của chúng ta, và những hoài nghi ấy chỉ đáng có một điều là: đem ra mà chế giễu”<sup>13</sup>. Những “xô xỉnh bụi bặm” mà V.I.Lênin nói đến ấy, chính là những suy nghĩ bảo thủ, giáo điều, sách vở, không xuất phát từ thực tế; những tư tưởng cá nhân, vụ lợi không vì hiệu quả công tác và lợi ích chung của cách mạng.

V.I.Lênin là nhà thiết kế chính đồng thời là Tổng công trình sư của Nhà nước xô-viết Nga và Liên Xô, người đã hình dung ra hình hài, cấu trúc và trực tiếp lãnh đạo việc xây

dựng nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới. Ông cũng là người đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng chống lại tư tưởng phản động, xuyên tạc bản chất nhà nước vô sản, những nhận thức bảo thủ, giáo điều, những căn bệnh tiêu cực trong nội bộ để bảo vệ và xây dựng một Nhà nước xô-viết ngày càng vững mạnh, quản lý đất nước xô-viết vượt qua những nguy nan, thử thách khắc nghiệt trong những năm tháng trứng nước của cách mạng. Những tư tưởng và kinh nghiệm thực tiễn của cuộc đấu tranh ấy không chỉ khẳng định công lao vĩ đại của V.I.Lênin, mà còn có nghĩa rất quan trọng, rất thời sự trong công cuộc tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh của chúng ta hiện nay ■

<sup>1</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.35, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.3.

<sup>2,5</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.37, tr.373, 448.

<sup>3,6</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.39, tr.489, 16.

<sup>4</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.472.

<sup>7</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.40, tr.171.

<sup>8,10</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.43, tr.337, 343.

<sup>9,11</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.44, tr.452, 218.

<sup>12,13</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.45, tr.459, 453.

# V.I.LÊNIN VỚI CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

**H**ọc thuyết cách mạng, khoa học của Lênin là tài sản vô giá của nhân loại, là cơ sở để giải quyết nhiều vấn đề của thời đại, của thế giới và của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Di sản mà V.I.Lênin để lại là cả một kho tàng quý báu, có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, trong đó những chỉ dẫn về đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng vẫn mang đậm tính thời sự, vô cùng có ý nghĩa thiết thực cho chúng ta hôm nay.

Tư tưởng của V.I.Lênin về quan liêu, tham nhũng là một hệ thống bao gồm nhiều luận điểm, quan điểm khác nhau, đề cập đến những vấn đề lý luận căn bản, cốt yếu, đồng thời cũng bao hàm cả những giải pháp, biện pháp cụ thể trong chỉ đạo

thực tiễn. Tựu trung lại, có thể phác họa những nét đặc sắc như sau:

V.I.Lênin thẳng thắn thừa nhận sự tồn tại, hiện hữu của tệ quan liêu trong bộ máy Chính quyền xô-viết, điều này là do tác động của hoàn cảnh bên ngoài và sự thiếu tự giác tu dưỡng, rèn luyện nên đạo đức xuống cấp, không còn giữ được vai trò tiên phong, gương mẫu của một số đảng viên cộng sản. Lênin nhận diện rất rõ bản chất của quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện của nó trong đời sống. Trong Lênin, quan liêu chính là “chủ nghĩa địa vị”, chỉ quan tâm đến địa vị, vị trí của mình mà không quan tâm đến công việc một cách cứng nhắc, chăm chăm tới tư lợi mà không đếm xỉa đến lợi ích của nhà nước, của nhân dân và xã hội. Người

viết: “Chủ nghĩa quan liêu, tức là đem lợi ích của sự nghiệp phục tùng lợi ích của tư tưởng danh vị, tức là hết sức chú trọng đến địa vị mà không đếm xỉa đến công tác; tức là tranh giành nhau để được bổ tuyền... Một thứ chủ nghĩa quan liêu như thế quả thật là hoàn toàn không nên có đối với đảng và có hại cho đảng...”<sup>1</sup>, Người cũng chỉ rõ những biểu hiện của quan liêu như tư tưởng danh vị, chủ nghĩa cơ hội, quá chú trọng vào hình thức, không quan tâm đến hoạt động thực tiễn, tác phong làm việc lể mể, vụn vặt...: “Chủ nghĩa cơ hội là hy sinh những lợi ích bền vững và lâu dài của giai cấp vô sản cho những lợi ích hào nhoáng, bề ngoài và chốc lát của nó”<sup>2</sup>. Đối với tham nhũng, Lênin cũng nhận thức rất rõ, tham nhũng đi liền với quan liêu, là lợi dụng vị trí công tác để làm lợi cho cá nhân. Trong tác phẩm “Thà ít mà tốt”, Lênin chỉ rõ, trong quá trình thực hiện chính sách kinh tế mới, cùng với quan liêu, tệ nạn hối lộ phát triển, trở thành phổ biến.

Người cho rằng, cả quan liêu và tham nhũng đều gắn với quyền lực bị tha hóa, chúng đều có chung bản

chất là lợi dụng chức quyền, vị trí công tác để tư lợi cá nhân, sống ích kỷ, ăn bám, trên sức lao động của người khác. Nguyên nhân của quan liêu, tham nhũng bắt nguồn từ tư tưởng thích chức quyền, ham địa vị, ham lợi, ham giàu sang phú quý, “ăn trên ngồi trốc”, v.v.. của một tầng lớp gồm những người trong ngành hành chính có chức, có quyền, được hưởng một địa vị đặc quyền so với nhân dân. Người cũng nhận diện quan liêu, tham nhũng có thể xảy ra ở mọi cấp, không loại trừ một ai, ở cương vị nào, nó cũng được thể hiện ở nhiều mức độ, quy mô khác nhau: “Hiện giờ có ba kẻ thù chính đang đứng trước mỗi người, bất kể người đó làm việc gì, ở cương vị nào... kẻ thù thứ nhất - tính kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa; kẻ thù thứ hai - nạn mù chữ; kẻ thù thứ ba - nạn hối lộ”<sup>3</sup>,

Lênin cũng chỉ rõ tính nguy hại của tệ quan liêu, tham nhũng vì nó làm suy yếu Đảng, làm suy giảm quyền lực nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy thế, thanh danh của Đảng và Nhà nước, dễ tạo ra nguy cơ biến bộ máy chính quyền và các tổ chức Đảng trở thành bộ máy quan liêu



mới, xa rời lợi ích của Đảng, của nhân dân. Tệ quan liêu, tham nhũng khiến nhiều cán bộ, đảng viên bị tha hóa, trở thành những kẻ chuyên quyền, độc đoán, thành những “đảng viên cộng sản huênh hoang”, thậm chí nó có thể phá hủy một chính Đảng, làm tiêu vong một chế độ. Người nói “Nếu có cái gì làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó (tệ quan liêu, tham nhũng)<sup>4</sup>. Do vậy, Lênin nhận thức rất rõ một chính Đảng chỉ có thể tồn tại, phát triển và giữ vững được vai trò lãnh đạo một khi Đảng đó thường xuyên phòng chống quan liêu, tham nhũng, nhưng người cũng xác định rất rõ, đó là cuộc đấu tranh phức tạp, lâu dài, khó khăn “Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu đòi hỏi hàng chục năm. Đây là cuộc đấu tranh cực kỳ khó khăn”<sup>5</sup>; đó cũng là cuộc đấu tranh toàn diện, hệ thống trên nhiều lĩnh vực: “cần phải tiến hành một công tác lớn lao về giáo dục, tổ chức, văn hóa”; “Không thể nào chỉ dùng pháp luật mà hoàn thành nhanh chóng được, nó đòi hỏi một công tác lớn lao và lâu dài”<sup>6</sup>. Để phòng, chống quan liêu, tham nhũng cần phải có

thái độ dứt khoát, kiên quyết và không có vùng cấm trong cuộc chiến này: “Bất cứ biểu hiện nào của thái độ quan liêu dù nhỏ đến đâu cũng sẽ bị trừng phạt”<sup>7</sup>.

Để phòng, chống quan liêu, tham nhũng, trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn, Lênin đã đưa ra nhiều giải pháp, biện pháp khác nhau, nổi bật là:

*Trước hết*, cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong Đảng để ngăn ngừa vi phạm, giữ gìn kỷ luật của Đảng. Việc thanh tra, kiểm tra thường xuyên, nghiêm túc đối với các công việc của Đảng, Nhà nước sẽ góp phần hạn chế các kẻ lợi dụng quyền lực để đục khoét của cải của nhân dân. Công tác thanh tra, kiểm tra cũng sẽ góp phần sửa chữa, uốn nắn công việc, ngăn ngừa thiếu sót và sai lầm. Thanh tra, kiểm tra sẽ góp phần đấu tranh “chống chủ nghĩa quan liêu, nhằm mở rộng dân chủ, phát huy óc sáng kiến, nhằm phát hiện, lột mặt nạ và đuổi ra khỏi Đảng những kẻ lén lút chui vào Đảng”<sup>8</sup>.

*Thứ hai*, để phòng, chống quan liêu, tham nhũng, Lênin rất coi trọng vai trò của quần chúng nhân dân,



phát huy, thực hành dân chủ rộng rãi, cuốn hút, lôi cuốn nhân dân tham gia vào các công việc của Đảng, của Nhà nước. Người chỉ rõ: “Cuộc đấu tranh chống sự lệch lạc quan liêu chủ nghĩa đối với tổ chức xô-viết, được đảm bảo bởi tính vững chắc của những mối liên hệ gắn liền các xô-viết với “nhân dân”, nghĩa là với những người lao động”. Người đã nhiều lần nhắc nhở các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền xô-viết, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải thường xuyên chăm lo thu hút đông đảo quần chúng lao động trực tiếp tham gia phòng, chống quan liêu, tham nhũng, chỉ có thu hút đông đảo quần chúng nhân dân vào việc quản lý đất nước và giám sát rộng rãi mọi cơ quan quản lý mới xóa bỏ được những thiếu sót của bộ máy, làm cho các cơ quan loại trừ được bệnh quan liêu. Người cũng yêu cầu cần phải thường xuyên tiếp dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phải xây dựng “quy chế về ngày giờ mở cửa tiếp công chúng cần phải được yết thị ở từng cơ quan”; phải làm sao để người dân được tạo thuận lợi, dễ dàng trong việc giám sát các đảng viên, các

cơ quan công quyền một cách “tự do, không cần có giấy phép” và “không mất tiền”.

*Thứ ba*, một trong những giải pháp mà Lênin cũng coi trọng để phòng, chống quan liêu, tham nhũng là tăng cường kỷ luật trong Đảng, thực hiện kỷ luật đảng viên nghiêm khắc trong điều kiện Đảng cầm quyền. Người viết: “Để chống lại những tính xấu đó, để làm cho giai cấp vô sản có thể thực hiện được một cách đúng đắn vai trò tổ chức của nó (và đó là vai trò chính của nó), một cách có kết quả và thắng lợi thì chính đảng của giai cấp vô sản phải thực hiện được, trong nội bộ của mình, một chế độ tập trung chặt chẽ và một kỷ luật nghiêm ngặt”<sup>9</sup>. Vi phạm kỷ luật - cũng có nghĩa là phản bội lại Đảng: “Kẻ nào làm yếu - dù chỉ là chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyên chính của nó) là thực tế giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản”<sup>10</sup>. Theo Lênin, phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng, khỏi bộ máy nhà nước những kẻ quan liêu, tham nhũng: “Tôi rất mong chúng ta có thể đuổi ra khỏi đảng từ

10 vạn đến 20 vạn người đã len lỏi vào đảng và đã không những không biết đấu tranh chống bệnh giầy tờ cùng nạn hối lộ, mà còn cản trở cuộc đấu tranh này”<sup>11</sup>. Người cũng yêu cầu phải xử thật nặng, nghiêm khắc những kẻ tham nhũng, ăn hối lộ trong Đảng, trong Nhà nước để nêu gương. Trong bức thư gửi trước sự việc Tòa án Mátxcova xử nhẹ một vụ ăn hối lộ, Người viết: “Không xử bắn bọn ăn hối lộ mà xử nhẹ như thế là một việc xấu hổ cho những người cộng sản”. V.I.Lênin yêu cầu phải “lay động các tòa án nhân dân và dạy cho họ biết trừng trị một cách không thương xót, kể cả việc đem bắn, và nhanh chóng những kẻ lạm dụng chính sách kinh tế mới”<sup>12</sup>; “Đối với người cộng sản phải trừng phạt nặng hơn gấp ba lần so với những người ngoài đảng”<sup>13</sup>.

*Thứ tư*, theo Lênin, để hạn chế, khắc phục căn bệnh quan liêu, tham nhũng, cũng cần tăng cường kiểm soát bộ máy nhà nước, giảm bớt sự công kênh, chống chéo trong bộ máy, đồng thời nâng cao chất lượng, phẩm chất, năng lực cán bộ, đảng viên, thiết lập chế độ trách nhiệm cá

nhân, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm cá nhân ấy một cách nghiêm ngặt, gắn quyền lợi với trách nhiệm, nghĩa vụ, xây dựng cơ chế phát hiện và thải loại những cán bộ đảng viên, công chức thoái hóa, biến chất. Người chỉ rõ: “đấu tranh chống cái vũng lầy chủ nghĩa quan liêu và bệnh giầy tờ bằng cách kiểm tra người và kiểm tra công việc thực tế, tổng cổ một cách không thương xót những công chức thừa, giảm biên chế, thay đổi những đảng viên cộng sản không nghiêm túc học tập việc quản lý”<sup>14</sup>; “lựa chọn người; thiết lập chế độ trách nhiệm cá nhân đối với việc đang làm; kiểm tra công việc thực tế”<sup>15</sup>.

## **2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Trong điều kiện đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định các quan điểm của V.I.Lênin về đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng và có sự kế thừa, phát triển, vận dụng và giải quyết phù hợp với điều kiện nước ta. Đảng luôn coi tham nhũng là “giặc nội xâm”, một trong các nguy cơ, đe dọa sự tồn vong của chế độ, cản trở tiến

trình phát triển đất nước, phải kiên quyết đấu tranh loại trừ ra khỏi đời sống xã hội. Trong thời kỳ đầu đổi mới, tại hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII năm 1994, Đảng nhận diện nguy cơ thường trực đối với Đảng là nguy cơ cán bộ, đảng viên quan liêu, xa dân; Đảng ta cũng nhận định, đánh giá hiện nay: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng”<sup>16</sup>. Đây là sự đánh giá nghiêm túc, đầy bản lĩnh, nhìn thẳng vào sự thật. Đảng ta cũng xác định phòng, chống quan liêu, tham nhũng là vấn đề nóng bỏng, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, mà toàn Đảng, toàn dân cần phải giải quyết.

Cụ thể hóa quyết tâm trong đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác phòng, chống tham nhũng, không có nhiệm kỳ nào Trung ương Đảng không có

nghị quyết liên quan đến phòng, chống quan liêu, tham nhũng. Có thể nêu một số Nghị quyết tiêu biểu như: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2 - khóa VIII) về “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”; Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về “Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 3 khóa X “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ...”

Những Nghị quyết, chỉ thị nêu trên đã hình thành một hệ thống các quan điểm định hướng tư tưởng và chính sách của Đảng ta về phòng, chống quan liêu, tham nhũng. Đảng ta xác định: Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trực tiếp,

thường xuyên của cả hệ thống chính trị, toàn dân và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài, khó khăn, phức tạp; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục, không nóng vội, không chủ quan, với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm; phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp; phải chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng tiếp tay cho tham nhũng; phải kết hợp giữa xây và chống, phòng ngừa gắn với xử lý nghiêm mọi hành vi tham nhũng; không có ngoại lệ, không có “vùng cấm” trong chống tham nhũng ở Việt Nam...

Những quan điểm chỉ đạo của Đảng ta qua các thời kỳ là hết sức đúng đắn, phù hợp, được các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức thực hiện bài bản, chặt chẽ, sâu sát với quyết tâm chính trị cao và đạt được những kết quả quan trọng, tạo chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị, góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe,

từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tiêu cực, suy thoái, quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong Đảng. Với sự quyết tâm và nghiêm khắc của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, nhiều vụ tham nhũng được xét xử, nhiều cán bộ tha hóa, biến chất ở mọi cấp, mọi ngành, “không có vùng cấm” đã chịu sự trừng phạt của pháp luật; đã thu hồi, để nghị thu hồi tài sản trị giá hàng nghìn tỷ đồng cho Nhà nước. Tuy nhiên, trong thực hiện công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, có việc, có nơi chưa nghiêm túc, đôi khi còn có hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh”; còn thiếu những cơ chế, chính sách, chế tài, biện pháp có tính đột phá đủ mạnh để làm chuyển biến cơ bản tình hình. Vì thế, tình trạng quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ chưa bị đẩy lùi, có nơi, có lúc còn diễn biến phức tạp hơn.

Trong thời gian tới, trên sở sở tiếp tục vận dụng, phát triển các chỉ giáo của Lênin trong đấu tranh phòng,

chống quan liêu, tham nhũng, căn cứ vào tình hình cũng như các yêu cầu đặt ra đối với công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng của Đảng và Nhà nước ta, cần phải tập trung thực hiện tốt một số giải pháp:

*Một là*, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong Đảng và xã hội về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nâng cao đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đẩy lùi sự suy thoái, tha hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Trong cuộc vận động này, cần cụ thể hóa những nội dung về phòng, chống các biểu hiện quan liêu, tham nhũng trong nội dung học tập và làm theo tấm gương của Hồ Chí Minh; quán triệt những nội dung này đến các cán bộ, đảng viên.

*Hai là*, tạo lập, hoàn thiện môi trường pháp lý đồng bộ, minh bạch, nhất quán. Cần công khai và minh bạch việc ra các quyết định, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm, để xảy ra tình trạng quan liêu, tham nhũng

như phân bổ, bố trí vốn, đất đai, tài sản của nhà nước... Minh bạch việc đấu thầu và giao dự án đầu tư của nhà nước cho các tổ chức, cá nhân.

*Ba là*, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, nghiêm trị những hành vi lạm dụng quyền lực, vi phạm Điều lệ Đảng, luật pháp của Nhà nước. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy, Thường vụ, thường trực cấp ủy các cấp, giữa cấp ủy cấp trên và cấp ủy cấp dưới; giữa cấp ủy Đảng với các cơ quan nhà nước; giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp trong hệ thống nhà nước; giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể với trách nhiệm, quyền hạn của cá nhân, nhất là người đứng đầu; thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, xóa bỏ tuyệt đối cơ chế “xin - cho”. Xây dựng, hoàn thiện quy trình ra quyết định; làm rõ các công đoạn, xác định người chịu trách nhiệm chính của từng công đoạn. Nâng cao hiệu lực kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, Nhà nước; tập trung kiểm tra giám sát các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu ở cấp cao, phát hiện, truy cứu đến cùng, xử

lý triệt để những sai phạm, không có vùng cấm theo phương châm: quyền cao, chức trách càng lớn nếu sai phạm phải xử lý càng nghiêm.

*Bốn là*, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, khắc phục những yếu kém, bất cập trong công tác cán bộ. Thực hiện thí điểm chế độ tiến cử, chế độ tập sự lãnh đạo, quản lý. Mở rộng hình thức thi tuyển cán bộ, công chức. Xây dựng tiêu chí, hoàn thiện quy trình, mở rộng diện và đối tượng tham gia đánh giá cán bộ, bảo đảm dân chủ, thật sự khoa học, công khai, minh bạch; lấy hiệu quả, chất lượng công việc làm tiêu chí chính. Đổi mới phương thức, quy trình đề bạt cán bộ, kết hợp quy hoạch cán bộ với mở rộng thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Thực hiện công khai, minh bạch tài sản của cán bộ trước khi quyết định đề bạt. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác bầu cử trong Đảng và hệ thống chính trị; đề cao trách nhiệm giới thiệu của người đứng đầu; bảo đảm số dư ứng viên ở tất cả các chức danh ở các cấp, các ngành và thực hiện quy định các ứng viên phải trình bày chương trình công tác. Nghiên cứu đổi mới quy

trình bầu cử, đề bạt cán bộ theo hướng “dân bầu trước, Đảng quyết định phân công, bổ nhiệm sau”. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế cán bộ, cho từ chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị và các doanh nghiệp, tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước hoạt động kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp; có khuyết điểm, vi phạm chưa đến mức xử lý kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác. Tập trung giải quyết những trường hợp mà dư luận có nhiều ý kiến. Kiên quyết và khẩn trương giải quyết, xử lý đúng người, đúng việc những vụ việc tồn đọng, nổi cộm, bức xúc đã phát hiện trong thời gian gần đây mà công luận quan tâm.

*Năm là*, phát huy vai trò của nhân dân của các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia phòng, chống quan liêu, tham nhũng. Thực hiện nghiêm trách nhiệm gắn bó với nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân của tổ chức đảng, đảng viên được quy

định trong Điều lệ Đảng; trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, các cơ quan nhà nước được Hiến pháp, pháp luật quy định; xây dựng cơ chế để nhân dân giám sát, đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước; để nhân dân tiến cử những người có đủ đức, tài vào các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Thực hiện có hiệu quả Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Giao cho các phương tiện thông tin đại chúng đưa

lên công luận những hiện tượng hư hỏng, những hành vi quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã được xác định rõ ràng, đích xác.

Tóm lại, trên cơ sở những quan điểm, bài học quý báu, có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc của Lenin về phòng, chống quan liêu, tham nhũng, với quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, với sự tham gia tích cực của cả cộng đồng, nhất định công cuộc phòng, chống quan liêu, tham nhũng sẽ đạt kết quả tốt đẹp, tạo niềm tin vững chắc của nhân dân với Đảng và chế độ ■

<sup>1</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.424.

<sup>2</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.311.

<sup>3</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.37, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.511.

<sup>4</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.54, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.235.

<sup>5</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.42, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.309.

<sup>6</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.38, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.199.

<sup>7,11</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.39, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.350 241.

<sup>8</sup> VI. Lenin: *Toàn tập*, t.43, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.109.

<sup>9,10</sup> VI. Lenin: *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr.34, 34.

<sup>12,13,14,15,16</sup> V.I.Lenin: *Toàn tập*, t.44, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tr.486, 487, 453, 452.

<sup>16</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.29.



# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA LÊNIN VỀ CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

● NGUYỄN VĂN THẠO

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

Củu nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng. Trong đó, V.I.Lênin không chỉ kế thừa, bổ sung, phát triển các tư tưởng lý luận, học thuyết do C.Mác và Ph.Ăngghen đặt nền tảng, cùng với Mác và Ăngghen là những người sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn là người trực tiếp lãnh đạo làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô- viết (Liên Xô) trong những năm đầu sau cách mạng. Do đó, những tư tưởng của Lênin về con đường xây dựng

chủ nghĩa xã hội, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, có ý nghĩa và ảnh hưởng to lớn, trực tiếp đến cách mạng Việt Nam, được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng một cách sáng tạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng.

## **1. Tin theo Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đưa cách mạng Việt Nam vào dòng chảy của thời đại**

Trong bối cảnh mới của thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa đế quốc, quy luật phát triển không đều trong chủ nghĩa tư bản thể hiện rõ rệt, Lênin đã phát triển chủ nghĩa Mác, đưa ra lý luận về khả năng nổ ra và thắng lợi của cách mạng vô sản trước tiên ở một số nước, thậm chí có



thể ở một nước tư bản riêng biệt, là khâu yếu nhất của chủ nghĩa tư bản, mà không nhất thiết là phải ở các nước tư bản phát triển. Đồng thời, Lênin cho rằng, do tính chất của thời đại, một nước tư bản chủ nghĩa chưa phát triển, thậm chí chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, sau khi cách mạng thắng lợi, có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội qua một thời kỳ quá độ với một loạt các bước quá độ nhỏ. Lênin viết “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Tiên đề tiên quyết để thực hiện được điều này, như nhiều lần Lênin đã chỉ rõ, là phải có một Đảng cách mạng lãnh đạo và giai cấp công nhân, nhân dân lao động phải giành được chính quyền, sử dụng chính quyền cách mạng đó để tạo ra những tiền đề, điều kiện cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, người thành lập

Đảng Cộng sản Việt Nam, vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX là người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc đang qua năm châu, bốn bể để tìm đường cứu nước, khi đọc bản Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin, Người đã tìm thấy con đường cứu nước. Năm 1960, trong bài “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin”, Bác viết: “Luận cương của Lênin làm tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”<sup>2</sup>. Trong tác phẩm “Đường cách mạng” năm 1927, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc viết “bây giờ học thuyết nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>3</sup>. Tin theo Lênin, từ một người yêu nước, Người trở thành một người Cộng sản, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam.

Quán triệt và vận dụng tư tưởng của Lênin, những năm 20 của thế kỷ

XX, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, kết hợp phong trào công nhân và phong trào yêu nước để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng. *Chính cương vắn tắt* được Hội nghị thành lập Đảng thông qua (tháng 2-1930) và *Cương lĩnh* đầu tiên của Đảng được Hội nghị Trung ương đầu tiên thông qua (tháng 10-1930) đều xác định cách mạng Việt Nam là cách mạng tư sản dân quyền, đánh đổ thực dân phong kiến và đi tới chủ nghĩa cộng sản. Trong 90 năm qua, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn luôn là mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại, lãnh đạo nhân dân ta trải qua 15 năm đấu tranh đầy hy sinh gian khổ đã làm nên thắng lợi vĩ đại Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành chính quyền về tay nhân dân, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên của khu vực Đông

Nam Á và trải qua hơn 30 năm kháng chiến trường kỳ, chiến tranh ác liệt đã đánh bại những kẻ thù xâm lược hùng mạnh, bảo vệ độc lập, tự do, thống nhất đất nước để cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

## **2. Tư tưởng của Lênin về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước lạc hậu**

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, nước Nga Xô-viết chống chất khó khăn, thù trong, giặc ngoài, Chính quyền Xô-viết ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, buộc Lênin và Nhà nước Xô-viết phải thực hiện chính sách Cộng sản thời chiến. Nội dung cơ bản của chính sách Cộng sản thời chiến là Nhà nước trưng thu lương thực của nông dân, quản lý tập trung, nghiêm ngặt sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp; xóa bỏ quan hệ hàng hóa - tiền tệ, tự do lưu thông; thực hiện phân phối theo chế độ cung cấp. Ban đầu, chính sách Cộng sản thời chiến được thực hiện do yêu cầu, đòi hỏi khách quan của hoàn cảnh chiến tranh, nhưng sau đó, làm nảy sinh tư tưởng (sai lầm) là có thể trực tiếp đi lên chủ nghĩa cộng sản không cần qua những bước quá độ.

Mặc dù chính sách Cộng sản thời chiến có tác dụng nhất định trong những năm chiến tranh, nhưng sau khi chiến tranh kết thúc đã đẩy nước Nga Xô-viết vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Lênin đã sớm nhìn thấy điều này, “Để chiến thắng quân thù, chúng ta đã phải làm như vậy. Nhưng trong lĩnh vực kinh tế chúng ta đã bị cả một loạt thất bại”<sup>4</sup>; Lênin cho rằng chính sách Cộng sản thời chiến là ý định “dùng con đường ngắn nhất, nhanh nhất, trực tiếp nhất để thực hiện việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa”<sup>5</sup> và đó là ý định sai lầm, bởi “Chúng ta chưa tính toán đầy đủ mà đã tưởng là có thể trực tiếp dùng pháp luật của nhà nước vô sản để tổ chức theo kiểu cộng sản chủ nghĩa trong một nước tiểu nông việc nhà nước sản xuất và phân phối sản phẩm”<sup>6</sup>. Đối với một nước tiểu nông, theo Lênin, không thể quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội, không thể “quá vội vàng, thẳng tuột, không được chuẩn bị”<sup>7</sup>, mà phải qua con đường gián tiếp. Cần thiết phải có “một loạt những bước quá độ”<sup>8</sup>. Chính sách kinh tế mới được Lênin

đề xuất và lãnh đạo thực hiện ở nước Nga Xô-viết, thay thế cho chính sách Cộng sản thời chiến thể hiện rõ, đầy đủ những tư tưởng này. Chính sách kinh tế mới của Lênin ra đời và thực hiện ở nước Nga Xô-viết trong điều kiện đặc thù của nước Nga khi đó, nhưng lịch sử càng lùi xa, càng cho thấy rõ đây là những vấn đề chung, có tính quy luật đối với một nước kinh tế chưa phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nhưng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Những nội dung cơ bản của chính sách kinh tế mới của Lênin có thể tổng hợp lại như sau:

- *Một là*: phục hồi, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần quá độ lên CNXH.

Nội chiến kết thúc, nền kinh tế bị tàn phá, Lênin xác định nhiệm vụ hàng đầu của nước Nga lúc đó là phục hồi sản xuất, mà trước hết là sản xuất nông nghiệp. Việc phục hồi, phát triển nông nghiệp lúc đó chủ yếu phải nhờ vào phục hồi, phát triển sản xuất nhỏ, cá thể của nông dân và Lênin cho rằng “Toàn bộ vấn đề là ở chỗ đem lại cho nông dân một sự khuyến khích, kích thích về mặt kinh tế”<sup>9</sup>, do đó, đã

thay thế chính sách trưng thu lương thực bằng chính sách thuế nông nghiệp và cho phép tự do lưu thông hàng hóa, trao đổi sản phẩm của nông nghiệp cũng như của công nghiệp, phục hồi quan hệ hàng hóa - tiền tệ đã bị xóa bỏ trong thời kỳ chính sách Cộng sản thời chiến. Về ý nghĩa của việc tự do lưu thông, phát triển thương nghiệp, Lênin cho rằng “Không thể có mối liên hệ nào khác giữa công nhân và nông dân, tức là giữa công nghiệp và nông nghiệp, ngoài trao đổi, ngoài thương nghiệp. Bản chất vấn đề là ở chỗ này”<sup>10</sup>. Lênin biết rõ rằng sự phát triển của những người sản xuất nhỏ, cá thể trong nền kinh tế hàng hóa nhất định sẽ dẫn tới sự ra đời, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa và cho rằng đó là điều không tránh khỏi và cần thiết để phục hồi, phát triển kinh tế đất nước. Hơn nữa, để phát triển kinh tế Lênin còn chủ trương thực hiện chính sách “Tô nhượng” để lôi kéo các nhà tư bản nước ngoài vào đầu tư ở nước Nga.

Theo Lênin, trong tình hình nước Nga Xô-viết khi đó nếu thực hiện chính sách ngăn cấm sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa thì “chính

sách ấy là một sự đại đột và tự sát đối với đảng nào muốn áp dụng nó. Đại đột vì về phương diện kinh tế, chính sách ấy là không thể nào thực hiện được; tự sát, vì những đảng nào định thi hành một chính sách như thế nhất định sẽ phá sản”<sup>11</sup>. Lênin cho rằng: chủ nghĩa tư bản ở nước Nga Xô-viết có quản lý của nhà nước vô sản là một loại hình mới của chủ nghĩa tư bản, đó là chủ nghĩa tư bản nhà nước, một nấc thang quá độ lên chủ nghĩa xã hội; “chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản là tốt so với thời Trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với tình trạng quan liêu do tình trạng phân tán của người tiểu sản xuất tạo nên. Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên CNXH, bởi vậy, trong chừng mực nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi; nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi; bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương

thức để tăng lực lượng sản xuất lên”<sup>12</sup>.

Đồng thời, ở nước Nga Xô-viết khi đó còn có những cơ sở kinh tế của Nhà nước, đó là những nhà máy, hầm mỏ nhà nước tịch thu của các thế lực phản động. Lênin xem đây là những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Do đó, nền kinh tế nước Nga Xô-viết hình thành và phát triển trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới của Lênin là một nền kinh tế hàng hóa có 5 thành phần là:

- (1) Kinh tế nông dân gia trưởng.
- (2) Sản xuất hàng hóa nhỏ.
- (3) Chủ nghĩa tư bản tư nhân.
- (4) Chủ nghĩa tư bản nhà nước.
- (5) Chủ nghĩa xã hội.

Tính chất quá độ thể hiện rõ trong kết cấu của nền kinh tế, trong đó có những mảnh, những bộ phận của cả chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn cơ bản trong nền kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo Lênin, là mâu thuẫn giữa một bên là các yếu tố chủ nghĩa xã hội đã ra đời nhưng còn non trẻ với một bên là các thế lực tư bản chủ nghĩa và tính tự phát tư bản chủ nghĩa của những người sản xuất nhỏ. Cuộc đấu tranh trong thời kỳ quá độ

lên chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa xã hội đã ra đời nhưng còn non yếu với chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị xóa bỏ; giữa hai khuynh hướng phát triển XHCN và tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế; với nhiệm vụ đặt ra là phải bảo đảm thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Con đường quá độ để đưa những người sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội mà Lênin đề xuất là con đường hợp tác hóa, tổ chức nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, những người sản xuất tiểu thủ công nghiệp vào hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, những người buôn bán nhỏ vào các hợp tác xã tiêu thụ. Ý nghĩa của hợp tác xã, theo Lênin, là “Nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên hiệp và tổ chức hàng triệu người và sau đó là toàn thể dân cư”<sup>13</sup> và như vậy nó tạo điều kiện thuận lợi cho bước quá độ đưa những người sản xuất nhỏ đi lên CNXH; đó là con đường “phù hợp nhất, dễ tiếp thu, dễ được chấp nhận nhất” đối với những người sản xuất nhỏ cá thể.

Đối với sự phát triển không thể tránh khỏi của kinh tế tư bản chủ nghĩa, để quá độ lên chủ nghĩa xã

hội, Lênin chủ trương hướng sự phát triển đó vào con đường tư bản nhà nước. Đó là chủ nghĩa tư bản dưới sự điều tiết, kiểm kê, kiểm soát của chính quyền nhà nước vô sản, mà theo Lênin, “đó là một thứ chủ nghĩa tư bản bất ngờ, mà tuyệt đối chẳng có một ai đã dự kiến cả; vì không một ai có thể dự kiến rằng giai cấp vô sản sẽ lên nắm chính quyền ở một nước chậm tiến nhất, rằng giai cấp đó lúc đầu tìm cách tổ chức nền sản xuất lớn và việc phân phối cho nông dân, nhưng sau đó, do những điều kiện văn hóa nên không thể hoàn thành được nhiệm vụ đó, giai cấp vô sản buộc phải để chủ nghĩa tư bản tham gia vào sự nghiệp của mình”<sup>14</sup>. Việc sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước là kết quả tất yếu của việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sử dụng kinh tế tư bản để phục hồi và phát triển kinh tế; đồng thời nó cho phép kiểm soát, điều tiết, từng bước hạn chế, khắc phục tính chất tư bản chủ nghĩa, là một nấc thang quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời, Lênin và Nhà nước Xô- viết đặc biệt quan tâm việc sắp xếp lại, củng cố, nâng cao hiệu quả của

các cơ sở kinh tế của nhà nước. Theo sự chỉ đạo của Lênin, Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao của Nhà nước Xô- viết chỉ giữ lại những xí nghiệp nhà nước quan trọng nhất về kinh tế, còn các xí nghiệp khác thì đóng cửa hoặc cho thuê và giao theo hợp đồng tô nhượng cho người khác. Sau khi giảm bớt số lượng doanh nghiệp hoạt động, với những xí nghiệp còn lại, Lênin yêu cầu “sự cần thiết cấp bách là phải tăng năng suất lao động, làm cho mỗi xí nghiệp quốc doanh không bị lỗ và có lãi”<sup>15</sup>; các xí nghiệp hoạt động phải tuân thủ nguyên tắc hạch toán kinh tế. Cùng với lĩnh vực sản xuất, Lênin yêu cầu nhà nước Xô- viết phải quan tâm tới lĩnh vực thương nghiệp, tới lưu thông, giá cả, thị trường, lĩnh vực quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn cả đến sản xuất và đời sống. Lênin viết: “Thương nghiệp là cái “mắt xích” trong cái dây xích những sự kiện lịch sử, trong những hình thức quá độ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta vào những năm 1921-1922, đó là mắt xích mà chúng ta, chính quyền của nhà nước vô sản, mà chúng ta, Đảng Cộng sản đang nắm

quyền lãnh đạo - chúng ta phải đem toàn bộ lực ra nắm lấy. Nếu ngày nay chúng ta nắm được khá chặt mắt xích đó thì chắc chắn là trong một ngày gần đây, chúng ta sẽ làm chủ được toàn bộ cái dây xích”<sup>16</sup>.

Yếu tố quan trọng, quyết định nhất để nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần quá độ lên CNXH, theo Lênin, là vai trò và hiệu quả quản lý, kiểm soát của chính quyền Xô viết. Lênin viết “Nếu không có sự thống trị của giai cấp vô sản trong nhà nước thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được”<sup>17</sup>. Việc cho phép phục hồi và phát triển kinh tế tư bản tư nhân không có nghĩa là để chủ nghĩa tư bản tự do phát triển, đưa đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa, mà Lênin chỉ rõ toàn bộ vấn đề là ở chỗ mức độ cho phép chủ nghĩa tư bản tồn tại dưới các hình thức, phương thức điều tiết của nhà nước. Lênin cho rằng “Muốn không thay đổi bản chất của mình, nhà nước vô sản chỉ có thể thừa nhận cho thương nghiệp tự do và chủ nghĩa tư bản phát triển tới một chừng mực nhất định và chỉ với điều kiện là thương nghiệp tư nhân và tư bản tư nhân phải phục

tùng sự điều tiết của nhà nước”<sup>18</sup>. Nhưng bộ máy nhà nước Xô viết lúc đó, theo đánh giá của Lênin “Tình hình bộ máy nhà nước của ta rất đáng buồn, nếu không nói là rất tồi tệ, đến nỗi trước hết chúng ta phải suy nghĩ nghiêm chỉnh xem nên khắc phục những khuyết tật đó như thế nào”<sup>19</sup>, bởi bộ máy thì công kênh, cán bộ công chức thì đông nhưng “bị vũng lầy quan liêu chủ nghĩa” đáng nguyên rủa cuốn hết vào việc thảo công văn, bàn bạc sắc lệnh, soạn thảo sắc lệnh, công tác linh động bị chìm ngập trong cái biển giấy tờ ấy”<sup>20</sup>, trong bộ máy đó “Đến thánh cũng không biết đầu mà lẩn, không làm thế nào tìm được người chịu trách nhiệm, mọi cái đều rối tung và cuối cùng người ta đưa ra một nghị quyết trong đó tất cả mọi người đều chịu trách nhiệm”<sup>21</sup>. Tư tưởng cải tạo bộ máy nhà nước của Lênin là “Thà ít mà tốt”. Lênin cho rằng “Chúng ta cần, không phải là các sắc lệnh mới, các cơ quan mới. Chúng ta cần thử thách trình độ thích ứng của con người, cần kiểm tra việc thực hiện trên thực tế”<sup>22</sup>. Nhiều lần Người nhấn mạnh vấn đề là “Lựa chọn đúng



người và kiểm tra việc thực hiện”, là phải “Thiết lập chế độ trách nhiệm cá nhân đối với công việc đang làm”<sup>23</sup>, là “đấu tranh không khoan nhượng chống hiện tượng không dứt khoát, không rành mạch về nhiệm vụ được giao cho mỗi người và chống tình trạng hoàn toàn vô trách nhiệm do hiện tượng đó gây ra”<sup>24</sup>, là tăng cường kỷ luật, tính tổ chức và sự kiểm soát, loại bỏ tình trạng, như Lênin viết “ở nước ta, sự táo bạo trong những công trình lý luận chung đã song hành với tình rụt rè lạng lảng trước một cuộc cải cách hành chính nhỏ nhất nhất”<sup>25</sup>... Lênin cho rằng cải tổ được bộ máy nhà nước Xô viết thì đó “sẽ là một thành tựu lớn lao, đó sẽ là sự bảo đảm cho thắng lợi của chúng ta”<sup>26</sup>.

- *Hai là*: thực hiện công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Là một người theo quan điểm duy vật lịch sử, Lênin nhiều lần cho rằng: xét đến cùng, năng suất lao động là yếu tố quyết định sự thắng lợi của một chế độ xã hội, chủ nghĩa xã hội sẽ đánh bại chủ nghĩa tư bản, thay thế chủ nghĩa tư bản khi tạo ra năng suất lao động còn hơn chủ nghĩa tư bản;

rằng “công nghiệp đại cơ khí là cơ sở duy nhất có thể có của chủ nghĩa xã hội. Người nào quên điểm này thì không phải là đảng viên cộng sản”<sup>27</sup>, “chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô- viết cộng với điện khí hóa toàn quốc”. Nhưng, đối với nước Nga, một nước chủ nghĩa tư bản phát triển thấp, còn phổ biến sản xuất nhỏ, lại bị chiến tranh tàn phá, cái thiếu nhất để quá độ lên chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí, nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội. Do đó, ngay khi nội chiến kết thúc, Lênin đề ra nhiệm vụ công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xem đó là nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền xô- viết.

Tuy nhiên, chính sách kinh tế mới của Lênin lại bắt đầu từ khôi phục và phát triển nông nghiệp; giải thích về điều này, Lênin cho rằng tập trung vào khôi phục và phát triển công nghiệp rồi thông qua đó để khôi phục lại toàn bộ nền kinh tế là điều đáng mong đợi, nhưng để khôi phục công nghiệp cần phải có lương thực thực phẩm cho công nhân, cần nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, máy móc, thiết bị... cho công nghiệp,



nhưng lúc đó chưa thể có được, trong khi nạn đói đang bao trùm đất nước, xã hội rối loạn, nên việc bắt đầu từ nông nghiệp, nông dân là đúng đắn. Lênin viết “Tình hình chính trị hồi đầu mùa Xuân năm 1921 đã đưa đến chỗ bắt buộc phải dùng những biện pháp cấp tốc, cương quyết nhất, cấp thiết nhất để cải thiện đời sống nông dân và nâng cao lực lượng sản xuất của họ. Tại sao lại chính là của nông dân chứ không phải của công nhân? Vì muốn cải thiện đời sống công nhân thì phải có bánh mì và nhiên liệu. Đứng về phương diện toàn bộ nền kinh tế quốc dân của chúng ta mà nói thì “trở ngại” lớn nhất là ở đó”<sup>28</sup>. Người còn nói rõ hơn: phải bắt đầu từ nông dân. Người nào không hiểu điều đó, người nào còn cho rằng đưa vấn đề nông dân lên hàng đầu như thế là từ bỏ công nghiệp hóa thì chẳng qua người đó không chịu suy nghĩ kỹ về tình hình và bị lời nói trống rỗng chi phối. Khôi phục và phát triển nông nghiệp là để tạo cơ sở, tiền đề cho công nghiệp hóa. Việc thực hiện chính sách “tô nhượng” để thu hút sự tham gia của tư bản nước ngoài và cho phục hồi, phát triển

kinh tế tư bản chủ nghĩa và hướng vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước cũng là để thực hiện công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho bước quá độ lên CNXH, như Lênin nói là sử dụng các nhà tư bản để xây dựng CNXH.

Điều đặc biệt là ngay từ năm 1920, khi nội chiến còn chưa kết thúc, nhưng trước thắng lợi của hồng quân và khả năng kết thúc nội chiến đã thể hiện rõ, Lênin đã thành lập Ủy ban điện khí hóa nước Nga (tháng 2-1920) và chỉ đạo xây dựng kế hoạch điện khí hóa nước Nga (GOELRO) để đưa ra Đại hội VIII Xô viết toàn Nga (tháng 12-1920) thảo luận, thông qua. Đây là một chương trình lớn được xây dựng một cách khoa học để khôi phục và xây dựng nền kinh tế nước Nga Xô-viết trên cơ sở điện khí hóa, theo tư tưởng chỉ đạo của Lênin “phục hồi công nghiệp trên cơ sở cũ đòi hỏi nhiều công sức và thời gian. Chúng tôi phải làm cho công nghiệp được hiện đại hóa, tiến chuyển sang điện khí hóa. Điều đó đòi hỏi ít thời gian hơn”<sup>29</sup>. Điện khí hóa là công nghệ hiện đại nhất những năm đầu thế kỷ XX, tư tưởng về công nghiệp

hóa trên nền tảng điện khí hóa của Lênin đã gắn kết chặt chẽ công nghiệp hóa với hiện đại hóa.

Trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn cả về vốn, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, lương thực thực phẩm, việc khôi phục sản xuất công nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, Lênin chủ trương “đóng cửa tới mức tối đa những cơ sở không có khả năng hoạt động nhằm tập trung sản xuất vào một số lượng không lớn những xí nghiệp được tổ chức tốt nhất”<sup>30</sup>. Trong khôi phục sản xuất công nghiệp, Lênin ưu tiên tập trung phục hồi các xí nghiệp sản xuất nhiên liệu, năng lượng, vùng mỏ Donbas (nơi cung cấp 60% than cho đất nước), các giếng dầu, các xí nghiệp cơ khí sản xuất máy cày cho nông dân, máy móc cho công nhân mỏ, đầu máy xe lửa cho ngành vận tải. Đặc biệt, theo sự chỉ đạo của Lênin, Nhà nước Xô-viết đã cho xây dựng nhiều nhà máy điện mới, những đứa con đầu lòng của ngành năng lượng xô-viết (như nhà máy điện Saturn, Lexia, Vôn khớp, Ivanovo, Vô đơ nhét...). Cùng với sắp xếp lại và định hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp, Lênin chuyển các

xí nghiệp công nghiệp nhà nước sang cơ chế hạch toán kinh tế, theo cơ chế thị trường, mà khi đó Lênin gọi là theo những nguyên tắc buôn bán. Lênin viết “những xí nghiệp của nhà nước chuyển sang cái gọi là hạch toán kinh tế, nghĩa là trên thực chất các xí nghiệp đó trên một mức độ lớn phải theo những nguyên tắc buôn bán, những nguyên tắc tư bản chủ nghĩa”<sup>31</sup>. Những xí nghiệp công nghiệp có quy mô tương đối lớn, được trang bị kỹ thuật khá, được bảo đảm vật tư, nguyên liệu, ở những vị trí địa lý thuận tiện, theo quyết định của nhà nước xô-viết, được liên kết với nhau thành Tờ rớt. Các Tờ rớt được tự chủ cao trong sản xuất kinh doanh, được giao quyền kế hoạch, phân phối vốn, bố trí cán bộ, trao đổi với các Tờ rớt khác cũng như với thị trường. Cho đến cuối những năm 20 của thế kỷ XX, Tờ rớt là các đơn vị sản xuất chủ yếu của nhà nước xô-viết.

### **3. Vận dụng tư tưởng của Lênin về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng ta**

*a* - Sau khi miền Bắc được giải phóng và một số năm phục hồi kinh tế, tiếp thu và vận dụng tư tưởng của

Lênin về khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội của những nước kinh tế kém phát triển, Đảng ta xác định miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xác định đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết “Đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” và “Nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội... tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng XHCN, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”<sup>32</sup>.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình đất nước có chiến tranh, miền Bắc vừa chi viện sức người, sức của cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, vừa chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, nên những quan điểm của

Đảng vận dụng tư tưởng của Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội chưa có điều kiện để thực hiện. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp thời kỳ này có nhiều nét tương đồng với nền kinh tế nước Nga thời kỳ chính sách cộng sản thời chiến của Lênin (tuy không quyết liệt bằng), như: ngăn chặn phát triển kinh tế tư nhân, hạn chế quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thực hiện chế độ phân phối bằng hiện vật cho sản xuất và tiêu dùng... Nền kinh tế này đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử tập trung sức mạnh của cả dân tộc đánh thắng kẻ thù xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhưng sau đó, việc kéo dài thực hiện mô hình kinh tế này đã đưa đất nước vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng.

**b** - Đại hội VI của Đảng (1986) mở ra đường lối đổi mới đất nước mà khởi nguồn là những đổi mới tư duy, đổi mới quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những đổi mới này, trên rất nhiều vấn đề, nhiều nội dung cơ bản, quan trọng là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của

Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế chưa phát triển vào điều kiện nước ta ngày nay.

- Đảng ta tiếp tục khẳng định nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những đặc điểm đặc thù. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991 - Cương lĩnh 1991) xác định “nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một nước vốn là nước thuộc địa nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ XHCN và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta”<sup>33</sup>. *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều lĩnh vực tổ

chức kinh tế, xã hội đan xen”<sup>34</sup>.

- Đảng ta đã vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của Lênin về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần quá độ lên CNXH trở thành phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế định hướng XHCN. Nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu, nhiều loại hình doanh nghiệp đã hình thành và phát triển mạnh mẽ ở nước ta. Cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, không giới hạn về quy mô, khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn; quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác được đảm bảo. Kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp của nước ngoài được đẩy mạnh; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trở thành một bộ phận có vai trò quan trọng của nền kinh tế đất nước (trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, chính sách thu

hút đầu tư nước ngoài của Đảng ta đạt kết quả hơn nhiều so với chính sách tô nhượng của Lênin trước đây).

Những cản trở quan hệ mua - bán, tự do lưu thông, việc phân phối bằng hiện vật bị bãi bỏ; quan hệ hàng hóa - tiền tệ được phục hồi, các loại thị trường hình thành và phát triển. Thị trường có vai trò ngày càng lớn trong việc quyết định giá cả hàng hóa, dịch vụ (phạm vi giá cả do nhà nước quyết định ngày càng thu hẹp), trong việc huy động và phân bổ các nguồn lực, điều tiết lưu thông hàng hóa, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp (nhà nước không can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp bằng mệnh lệnh hành chính, doanh nghiệp tự chủ, điều chỉnh hoạt động theo các tín hiệu trên thị trường) và thanh lọc doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ. Cho tới trước Đại hội IX của Đảng (2001), Đảng ta vẫn xác định nền kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX của Đảng xác định “kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế

tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH”. Đến Đại hội XII, Đảng ta xác định nền kinh tế nước ta là kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là bước tiến lớn trong nhận thức, quan điểm của Đảng ta, là đóng góp của Đảng ta vào việc bổ sung, phát triển tư tưởng của Lênin về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những nước lạc hậu, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Cùng với khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, Đảng ta chỉ đạo sắp xếp lại, đổi mới (giải thể, bán, khoán, cho thuê những doanh nghiệp thua lỗ, doanh nghiệp không còn phải là doanh nghiệp; cổ phần hóa để thu hút thêm vốn, đổi mới mô hình tổ

chức, quản lý doanh nghiệp) để phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; đổi mới, phát triển các hợp tác xã để kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của cả nền kinh tế đất nước. Vai trò và phương thức quản lý kinh tế của nhà nước có nhiều đổi mới. Nhà nước không can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng mệnh lệnh hành chính mà bằng pháp luật, chính sách, chiến lược quy hoạch, kế hoạch, các định mức, tiêu chuẩn và sử dụng các nguồn lực kinh tế của Nhà nước; tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, đồng thời định hướng hoạt động của doanh nghiệp vào các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước, để gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, với phát triển văn hóa, xã hội, hạn chế sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, các địa phương, sự chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế. Đây được xác định là những yếu tố để bảo đảm định hướng xã hội của

nền kinh tế. Những nội dung này, vừa có sự vận dụng các tư tưởng của Lênin, vừa có sự sáng tạo, góp phần bổ sung, phát triển tư tưởng của Lênin về quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Xác định vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là nhân tố quyết định nhất đối với sự phát triển và định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, do đó, Đảng ta đặc biệt quan tâm tới đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế nhà nước và việc đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước. Quản lý kinh tế nhà nước tách khỏi quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tách các đơn vị sự nghiệp công lập và chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp khỏi chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành; nâng cao chất lượng xây dựng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, xây dựng và hoàn thiện thể chế, tăng cường kiểm tra, nâng cao kỷ luật kỷ cương trong tổ chức thực hiện

của các cơ quan quản lý nhà nước... Tổ chức bộ máy nhà nước được đổi mới theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; được tinh gọn, nhiều bộ quản lý chuyên ngành sâu về kinh tế kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp nội thương, ngoại thương được hợp nhất để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, giảm bớt các tổ chức trung gian (tổng cục). Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước từng bước được hoàn thiện, cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh. Cán bộ, công chức được tuyển dụng, bổ nhiệm thông qua thi tuyển có cạnh tranh, xác định việc làm của từng chức danh, vị trí công việc. Tăng cường công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... Những đổi mới và công việc được thực hiện như vậy của Đảng, Nhà nước ta vừa có sự vận dụng, vừa phát triển sáng tạo tư tưởng của Lênin đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đất nước.

- Đất nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước kinh tế kém phát triển, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nên khó khăn lớn nhất là thiếu nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội, do đó, ngay từ Đại hội III của Đảng (1960), Đại hội mở đầu cho thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, Đảng ta đã đề ra đường lối công nghiệp hóa đất nước, xác định công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, cùng với phục hồi cơ sở công nghiệp cũ, nhiều công trình công nghiệp mới, lớn đã được xây dựng, như: Cơ khí Hà Nội, Gang thép Thái Nguyên, Hóa chất Việt Trì, Dệt 8-3... Nhưng chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân Mỹ và việc tập trung chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam, đã làm cho chương trình công nghiệp hóa bị gián đoạn.

Đại hội IV của Đảng (1976), Đại hội Đảng đầu tiên sau khi đất nước hòa bình, thống nhất, Đảng ta lại tiếp tục xác định công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của đất nước để xây dựng cơ sở vật chất của chủ



nghĩa xã hội. Tuy nhiên, các cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc của đất nước, sự bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đã đẩy đất nước vào khủng hoảng kinh tế làm cho nhiệm vụ công nghiệp hóa do Đại hội IV đề ra không thực hiện được. Trong bối cảnh đất nước khủng hoảng kinh tế, các Đại hội V, VI của Đảng chủ trương tập trung vào đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, sản xuất lương thực thực phẩm và các chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Ngay sau khi đất nước ra khỏi khủng hoảng, Hội nghị Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994) đã chủ trương “đẩy mạnh một bước công nghiệp hóa đất nước”; trong đó, đề ra nhiệm vụ hàng đầu là công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Từ Đại hội VIII (1996) của Đảng đến nay, qua các nhiệm kỳ Đại hội IX, X, XI và Đại hội XII của Đảng, công nghiệp hóa luôn là một nhiệm vụ hàng đầu để phát triển đất nước. Công nghiệp hóa được xác định gắn với hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri

thức và hiện nay là gắn với sử dụng các thành tựu của cuộc cách mạng lần thứ tư. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thực hiện trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, với sự tham gia của các thành phần kinh tế, vừa phục vụ thị trường trong nước, vừa hướng ra thị trường nước ngoài; vừa phát triển những ngành đất nước có tiềm năng, lợi thế, sử dụng nhiều lao động, vừa đi ngay vào những ngành, lĩnh vực, sản phẩm công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thực hiện trong tất cả các ngành kinh tế, các lĩnh vực của xã hội. Trong công nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, bảo đảm độc lập tự chủ kinh tế của đất nước; các ngành công nghệ cao tham gia có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu, các ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các ngành công nghiệp mới như công nghiệp văn hóa, công nghiệp môi trường... Phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; gắn kết sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, bảo vệ



an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Phát triển du lịch và các dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực, như thông tin, viễn thông, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ...

Để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng còn chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng dựa trên tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và sử dụng lao động phổ thông, giá rẻ sang chủ yếu phát triển theo chiều sâu, dựa chủ yếu trên khoa học công nghệ và

nguồn nhân lực chất lượng cao. Để phục vụ và thúc đẩy công nghiệp hóa, Đảng chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, xem đây là những đột phá chiến lược; đồng thời, đẩy mạnh đô thị hóa, xây dựng chính phủ điện tử, chính quyền điện tử... Tóm lại, vận dụng tư tưởng của Lênin về công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã phát triển sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ, khác xa với đầu thế kỷ XX, thời đại của Lênin ■

<sup>1</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến bộ, Hà Nội, 1977, tr.295.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.128.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.268.

4, 5, 6, 8, 10, 15, 16, 18, 20, 23, 27, 31 V.I.Lênin: *Sđd*, t.44, tr.374, 254, 184, 184. 378, 419, 279, 418, 444, 452, 60, 418.

7, 9, 11, 12, 13, 17, 28, 29, 30 V.I.Lênin: *Sđd*, t.43, tr.43, 86, 267, 267, 27, 253, 262, 266, 309.

14, 19, 21, 22, 25, 26 V.I.Lênin: *Sđd*, t.45, tr.141-142, 442, 138, 16, 454.

<sup>32</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.13.

<sup>33</sup> ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ CNXH*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.8.

<sup>34</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

# TƯ TƯỞNG CỦA LENIN VỀ XÂY DỰNG CHÍNH ĐẢNG KIỂU MỚI VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO THỰC TIỄN VIỆT NAM

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

## I. Tư tưởng của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới - Giá trị bền vững trong thời đại ngày nay

Ngày nay đã tròn một thế kỷ trôi qua, thực tiễn sinh động trong sự phát triển của lịch sử loài người, những thành công và thất bại của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, càng chứng minh tính đúng đắn, giá trị bền vững trong lý luận của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới - chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Kế thừa những tư tưởng sâu sắc của C.Mác, Ph.Ăngghen về tính tất yếu ra đời đảng cộng sản khi có sự kết hợp giữa lý luận của CNXH khoa học với phong trào công nhân, như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã nêu: “Vây là về mặt thực tiễn, những người cộng sản là một bộ phận kiên

quyết nhất trong các đảng công nhân ở các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên; về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”<sup>1</sup>. Tư tưởng của Lênin về xây dựng một chính đảng kiểu mới được thể hiện tập trung trong các tác phẩm *Làm gì?* Được viết vào tháng 3-1902 và tác phẩm *Một bước tiến, hai bước lùi*, viết vào đầu năm 1904, chỉ rõ những nguyên lý cơ bản để xây dựng chính đảng kiểu mới, cũng là những căn cứ, nguyên tắc để phân biệt một đảng cách mạng, chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân với các tổ chức chính trị, đảng phái khác.

a, *Giá trị cốt lõi về các nguyên lý xây dựng chính đảng kiểu mới, đó là:*

- Lênin cho rằng, một đảng kiểu mới, là đảng phải lấy chủ nghĩa Mác là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của đảng. Chủ nghĩa Mác được hình thành, từ sự kết tinh những giá trị tinh thần sâu sắc, tiến bộ của lịch sử văn minh nhân loại, với những tiền đề về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và tư duy đã chín muồi, từ triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh và Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp; Mác và Ăngghen đã sáng tạo ra CNXH khoa học, là hệ thống lý luận khoa học, vũ khí lý luận, ngọn cờ tập hợp lực lượng của giai cấp vô sản cách mạng, để chính đảng kiểu mới vạch ra cương lĩnh hành động, chiến lược và sách lược cách mạng, xây dựng chế độ xã hội mới của người lao động.

- Đảng Cộng sản là đội tiên phong chính trị có tổ chức và là tổ chức chặt chẽ nhất, có giác ngộ nhất của giai cấp công nhân. Lênin đã từng chỉ ra rằng, tổ chức là một vũ khí nhờ đó mà giai cấp vô sản sẽ tự giải phóng; không có vũ khí nào tốt hơn là sự tổ chức, rằng: “Tính tự giác của đội tiên phong còn biểu

hiện ở chỗ là nó biết tự tổ chức. Mà sau khi đã được tổ chức, nó có một *ý chí thống nhất*, và *ý chí thống nhất* ấy của một nghìn, một trăm nghìn, một triệu người tiên tiến sẽ trở thành *ý chí* của một giai cấp”<sup>2</sup>.

- Đảng kiểu mới phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là nguyên tắc sẽ tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tạo thành một khối vững chắc cho sức mạnh chung của toàn Đảng. Lênin chỉ rõ: “...Trước kia Đảng ta chưa phải là một khối chính thức và có tổ chức, mà chỉ là một tổng số những nhóm riêng biệt và do đó, giữa các nhóm ấy không thể có những quan hệ nào khác, ngoài sự tác động về mặt tư tưởng. Hiện nay, chúng ta đã trở thành một Đảng có tổ chức, điều đó có nghĩa là chúng ta đã tạo ra một quyền lực, biến uy tín về tư tưởng thành uy tín về quyền lực, khiến cấp dưới phải phục tùng cấp trên của Đảng”<sup>3</sup>.

- Khi có chính quyền, Đảng là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị XHCN, đồng thời là một bộ phận của hệ thống đó. Điều quan trọng là sau khi giành được chính quyền,

Đảng phải lãnh đạo nhân dân xây dựng thành công chế độ xã hội mới của người dân. Đây là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp đòi hỏi phải có lực lượng lãnh đạo, hạt nhân nòng cốt; giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền, xây dựng chế độ mới còn khó khăn hơn. Vì thế không thể coi nhẹ, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Lenin khẳng định: “Chủ nghĩa Mác giáo dục Đảng công nhân, là giáo dục đội tiên phong của giai cấp vô sản, đội tiên phong này đủ sức nắm chính quyền và dẫn dắt toàn dân tiến lên CNXH, đủ sức lãnh đạo và tổ chức một chế độ mới, đủ sức làm thầy, làm người dẫn đường, làm lãnh tụ của tất cả những người lao động<sup>4</sup>.

- Đảng là một khối đoàn kết thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Lenin đặc biệt quan tâm tới sự đoàn kết, thống nhất trong điều kiện Đảng cầm quyền, cho rằng bất cứ sự bất đồng nào, ngay cả sự bất đồng không đáng kể, cũng có thể trở thành nguy hiểm về mặt chính trị. Đây là nguồn gốc của sự chia rẽ

trong nội bộ, tự nó phá hoại sức mạnh của Đảng. Trong đó xác định, trước hết phải là sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Sự đoàn kết, thống nhất ở đây không phải là xuôi chiều, cả nể mà phải trên cơ sở thường xuyên và nghiêm túc tự phê bình và phê bình để khắc phục sai lầm và khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Người cho rằng: “Chuyên chính vô sản không thể thực hiện được nếu không có sự đoàn kết nhất trí của những người lao động”, rằng: “công khai thừa nhận sai lầm” của một đảng là tiêu chí quan trọng để đánh giá xem đảng đó có thật sự là đảng mác-xít hay không và “cần phải để cho tất cả các đảng viên được hết sức tự do phê bình các cơ quan trung ương và công kích các cơ quan trung ương”<sup>5</sup>. Sự đoàn kết, thống nhất trong đảng phải dựa trên cương lĩnh, điều lệ, đường lối, chính sách của Đảng, là sự đoàn kết có nguyên tắc trên cơ sở lợi ích chung của đất nước, dân tộc và giai cấp.

- Thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Đảng sẽ làm cho đảng mạnh lên. Lenin ý thức rất

cao về sự nguy hại của chủ nghĩa cơ hội trong Đảng, đây là bộ phận thoái hóa, biến chất làm cho đảng cách mạng suy yếu, đặc biệt trong những giai đoạn khó khăn. Vì vậy, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong nội bộ, sẽ có tác dụng tích cực, làm cho đảng mạnh lên. Người chỉ rõ đặc điểm, nhận dạng loại bệnh này: “Do bản chất của mình, phái cơ hội chủ nghĩa bao giờ cũng tránh đặt các vấn đề một cách rõ ràng và dứt khoát; bao giờ nó cũng tìm con đường trung dung, nó quanh co uốn khúc như con rắn nước giữa hai quan điểm đối chọi nhau”<sup>6</sup>, rằng: “Chủ nghĩa cơ hội là sự hy sinh lợi ích căn bản của quần chúng cho lợi ích tạm thời của một số hết sức ít công nhân, nói cách khác tức là sự liên minh giữa một bộ phận công nhân với giai cấp tư sản để chống lại quần chúng vô sản”<sup>6</sup>.

- Đảng kiểu mới phải gắn bó chặt chẽ với quần chúng, kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục bệnh quan liêu, xa rời quần chúng. Đây là vấn đề luôn được Lênin lưu ý, đối

với chính đảng cách mạng trong quá trình lãnh đạo, cầm quyền, rằng: “Muốn trở thành một đảng dân chủ- xã hội, thì cần phải được sự ủng hộ của chính giai cấp”<sup>7</sup>. Bởi vì, đảng không thể lãnh đạo được giai cấp, nếu như không có mối liên hệ chặt chẽ với giai cấp công nhân ngoài đảng và các tầng lớp lao động khác. Người lưu ý: “Một trong những nguy hiểm lớn nhất và đáng sợ nhất là sự cắt đứt liên hệ với quần chúng”<sup>8</sup>. Lênin nhấn mạnh, đó “là nguy hiểm nhất và đáng sợ nhất” để thấy tầm quan trọng của vấn đề. Đồng thời, khi trở thành đảng cầm quyền, một nguy cơ dễ xuất hiện đó là bệnh quan liêu, xa rời quần chúng; những thói hư, tật xấu, như theo đuôi quần chúng hoặc xa rời quần chúng... , đảng cách mạng cần chú ý.

- Đảng kiểu mới phải tích cực kết nạp những đại biểu ưu tú của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vào đảng; phải thường xuyên đưa những người không đủ tiêu chuẩn và những phần tử cơ hội ra khỏi đảng. Đây cũng là vấn đề hệ trọng của công tác xây dựng đảng.

Để một đảng cách mạng - đảng kiểu mới xứng đáng là đội tiên phong, không ngừng lớn mạnh thì phải thường xuyên bổ sung những quần chúng ưu tú cho đảng, đồng thời loại bỏ cơ thể mình những phần tử thoái hóa, biến chất, cơ hội. Đây cũng là điều kiện để đảng tồn tại và phát triển, đủ uy tín lãnh đạo nhân dân qua các giai đoạn cách mạng ở mỗi nước.

- Đảng kiểu mới phải theo chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Đây là vấn đề xuất phát từ bản chất giai cấp của giai cấp công nhân, đòi hỏi đảng kiểu mới phải kết hợp đúng đắn giữa lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp trong từng nước và lợi ích quốc tế; giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế cao cả. Lenin chỉ rõ: “Liên minh với những người cách mạng trong các nước tiên tiến và với tất cả các dân tộc bị áp bức, chống bọn đế quốc chủ nghĩa thuộc bất cứ loại nào, đó là chính sách đối ngoại của giai cấp vô sản”<sup>9</sup>. Trong quan điểm về chủ nghĩa quốc tế vô sản, Người luôn nhấn mạnh, phải tránh cả hai khuynh hướng, chủ nghĩa dân tộc

hẹp hòi và chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, rằng: “Thắng lợi của cách mạng vô sản thế giới, đòi hỏi giai cấp công nhân các nước tiên tiến phải hết sức tin cậy lẫn nhau, đoàn kết anh em hết sức chặt chẽ với nhau và phải hết sức nhất trí trong các hành động cách mạng của họ”<sup>10</sup>.

*b, Giá trị đương đại trong tư tưởng của Lenin về xây dựng chính đảng kiểu mới.*

Những nguyên lý của Lênin về chính đảng kiểu mới, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị, là một đóng góp to lớn cho nhân loại cả về lý luận và thực tiễn. Kế thừa và phát triển tư tưởng của Mác, Ăngghen về tính tất yếu lịch sử của sự ra đời chính đảng, là sản phẩm tự nhiên của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp, Lênin bổ sung, phát triển và xây dựng trên thực tiễn chính đảng kiểu mới - Đảng Bôn-sê-vic Nga, chính đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, lãnh đạo nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới. Hơn 100 năm trôi qua, thế giới đã có nhiều thay đổi, thực tiễn lịch sử và văn minh nhân loại ngày nay cho phép kiểm chứng tính

đúng đắn, giá trị đương đại trong tư tưởng của Lenin về xây dựng chính đảng kiểm mới vẫn còn nguyên giá trị, là tiêu chí để phân biệt một chính đảng cách mạng chân chính, với các tổ chức chính trị, đảng phái khác. Những giá trị đó thể hiện ở một số điểm chính như sau:

*Một là*, một chính đảng muốn trở thành lực lượng lãnh đạo đất nước, lãnh đạo xã hội, đảng đó phải thực sự là đại diện cho trí tuệ, tinh hoa của dân tộc. Thế giới ngày nay chứng kiến sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, văn minh nhân loại bước vào giai đoạn mới. Các quốc gia phát triển trong bối cảnh vừa có thuận lợi, khó khăn đan xen, cạnh tranh gay gắt, đồng thời phải đối phó với nhiều vấn đề thách thức. Điều đó đòi hỏi đảng phải thực sự có hệ tư tưởng tiên tiến, thu nạp vào đội ngũ của mình những thành viên ưu tú. Lịch sử nhân loại đến nay, đã chứng kiến những thăng trầm của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, những thành công và thất bại của các nước XHCN trên thế giới, nhưng cũng chính từ thực tiễn đó,

càng chứng tỏ tính đúng đắn, giá trị bền vững của Học thuyết Mác - Lênin, tính quy luật của con đường đi lên CNXH mà loài người nhất định sẽ đi tới, như *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011), đã khẳng định. Một chính đảng kiểu mới đòi hỏi phải có hệ tư tưởng tiên bộ, lãnh đạo đất nước, dân tộc, đồng thời phải có đội ngũ tiên phong. Đảng phải thu nạp vào tổ chức mình những thành viên ưu tú và thường xuyên loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất. Đó mới là đảng chân chính, cách mạng.

*Thứ hai*, thế giới ngày nay, các quốc gia có nhiều mô hình phát triển, nhiều chính đảng với tính đại diện khác nhau, cầm quyền, lãnh đạo đất nước. Nhưng để một chính đảng lãnh đạo ổn định, vững chắc thì chính đảng đó phải là một tổ chức chặt chẽ, có ảnh hưởng xã hội lớn. Ảnh hưởng xã hội ở đây trước hết là đường lối, quan điểm, chủ chương của đảng về giải quyết các vấn đề của đất nước, bởi người đứng đầu đảng và quan trọng nhất là hình ảnh của toàn đảng đối với xã hội. V.I.Lênin đã chỉ rõ các nguyên tắc để



tổ chức đảng được cấu trúc và vận hành chặt chẽ, đó là các nguyên tắc tập trung, dân chủ; phê bình và tự phê bình; kết nạp vào đảng những thành viên ưu tú trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đồng thời đưa ra khỏi đảng những người không còn xứng đáng, làm trong sạch đội ngũ, xứng đáng là đội tiên phong, là người lãnh đạo. Ngày nay, dù văn minh nhân loại đã đạt được đến đâu, khoa học và công nghệ phát triển như thế nào, máy móc và quản trị xã hội đã phát triển, cũng không thể bỏ qua các nguyên tắc này, nếu đó là tổ chức chính trị lãnh đạo xã hội. Có ý kiến cho rằng, nên hiểu thế nào cho đúng về tập trung dân chủ hay dân chủ tập trung hoặc tập trung, dân chủ. Xét về nội hàm, 3 vấn đề này là khác nhau, liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị, tuy nhiên cần có cách tiếp cận biện chứng, tránh máy móc, dập khuôn hoặc chia cắt đơn giản. Tập trung và dân chủ trong tổ chức, hoạt động của chính đảng kiểu mới là thống nhất biện chứng với nhau, trong tập trung có dân chủ và trong dân chủ có tập trung, nhưng để hoạt

động của một bộ máy thì phải nhấn tập trung lên trước. Cần phân biệt giữa cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể với nguyên tắc hoạt động để tránh dân chủ hình thức, vô chính phủ và tập trung quan liêu, hay độc đoán mất dân chủ, lợi dụng dân chủ.

*Thứ ba*, gắn bó với nhân dân và có tinh thần quốc tế trong sáng. Lênin đã từng nhắc nhở, điều nguy hiểm nhất và đáng sợ nhất là xa rời quần chúng. Thực tiễn ngày nay, những thành công và thất bại của các đảng cầm quyền, kể cả đảng cộng sản ở một số nước XHCN cũng cho thấy, khi nào xa rời nguyên tắc này đều thất bại. Đối với chính đảng kiểu mới, đảng cách mạng của giai cấp công nhân, lợi ích của đảng là lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, đảng không có lợi ích nào khác ngoài lãnh đạo nhân dân thông qua Nhà nước và toàn xã hội xây dựng đất nước dân chủ, tự do, nhân dân ấm no và hạnh phúc. Chính từ mục đích đó, từ trong bản chất của đảng, được nhân dân ủng hộ, vì thế không có con đường nào khác, chính đảng cách mạng phải

gắn bó máu thịt với nhân dân. Ngược lại, ở các quốc gia khác, một đảng hay đa đảng, để tranh thủ sự ủng hộ của người dân, các chính đảng phải đưa ra khẩu hiệu, chương trình tranh cử cũng phải dựa trên nguyện vọng của người dân, có thể chương trình đó là mị dân, nhất thời. Thực tế này, người dân ở nhiều quốc gia đã chứng kiến. Vì vậy, muốn lãnh đạo xã hội, muốn cầm quyền thì chính đảng phải gắn với dân, tranh thủ người dân. Bên cạnh đó, sự gắn kết lẫn nhau giữa các quốc gia trong thế giới đương đại, không chỉ được quy định bởi tính phụ thuộc, bổ trợ lẫn nhau, mà hợp tác và cạnh tranh là xu thế tất yếu của toàn cầu hóa, khu vực hóa. Sự khác biệt của chính đảng cách mạng với các đảng phái chính trị khác, là xử lý hài hòa quan hệ dân tộc và quốc tế trong sáng.

## **2. Sự vận dụng nguyên lý về xây dựng chính đảng kiểu mới vào thực tiễn Việt Nam**

Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua 90 năm xây dựng và trưởng thành, đã lãnh đạo nhân dân ta giành độc lập dân

tộc từ chế độ thực dân, phong kiến, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, chấm dứt hàng thế kỷ phong kiến, thực dân áp bức, bóc lột; tiếp tục đánh đuổi đế quốc, thực dân làm nên những kỳ tích Điện Biên Phủ và Mùa xuân 1975 trấn động địa cầu, để thống nhất non sông. Và, cũng từ công cuộc đổi mới của Đảng, sau 35 năm đã đưa Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử như ngày nay. Có được những thành quả đó, trước hết là vì, Việt Nam có một chính đảng kiểu mới, một đảng cách mạng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã kế thừa và phát triển tư tưởng của Lenin về xây dựng đảng kiểu mới, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam. Điều đó thể thấy trên 3 vấn đề chính như sau:

- Từ thực tiễn bối cảnh thế giới và trong nước trước và sau Chiến tranh thế giới thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm tìm ra con đường giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, “con đường cách mạng vô sản”, thành lập nên Đảng Lao động Việt

Nam, sau này là Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt” Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải làm theo chủ nghĩa ấy... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất là Chủ nghĩa Lenin”<sup>11</sup>. Điểm sáng tạo cần nhấn mạnh ở đây, trước hết là, tìm ra được con đường đúng đắn trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh không lặp lại sai lầm của những nhà nho yêu nước trước đó, không máy móc giáo điều trong điều kiện Việt Nam là nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế tiểu nông là chính, chưa có phong trào công nhân, giai cấp công nhân quá nhỏ bé. Người tập hợp được những cán bộ ưu tú yêu nước, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin để thành lập một chính đảng cách mạng kiểu mới, chính đảng vô sản - mang bản chất của giai cấp công nhân, lãnh đạo nhân dân giành chính quyền. Điều này thể hiện sự nhận thức sâu sắc, kế thừa và phát triển lý luận về một chính đảng kiểu mới, lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm

nền tảng tư tưởng, để lãnh đạo cách mạng thành công.

- Trong suốt 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới, nhờ đó Đảng không ngừng lớn mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ khi thành lập, đến năm 1945 lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, Đảng ta lúc đó có 5 nghìn đảng viên, đến nay khoảng hơn 5 triệu đảng viên; uy tín và ảnh hưởng của Đảng ở trong nước và trên trường quốc tế không ngừng được mở rộng. Có thể nói rằng, cho đến hiện nay, ở Việt Nam không một tổ chức chính trị nào có thể thay thế Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo đất nước phát triển. Những tư tưởng sâu sắc của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới luôn luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện Việt Nam. Điều đặc biệt hơn, minh chứng cho tính đúng đắn của những tư tưởng này, là sự ổn định, vững vàng và phát triển của Việt Nam và một số nước, và cả

những thăng trầm của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, những Đảng Cộng sản ở một số nước XHCN, đã xa rời tư tưởng của Lênin, dẫn tới đổ vỡ, thất bại. Những tư tưởng của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới không chỉ được ghi vào *Cương lĩnh*, điều lệ, các văn kiện quan trọng của Đảng, mà còn được cụ thể hóa trên thực tiễn, qua các giai đoạn cách mạng. Công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng được tiến hành thường xuyên, trở thành nề nếp, thành quy luật phát triển đảng.

- Tính sáng tạo trong vận dụng và phát triển tư tưởng của Lênin về xây dựng chính đảng kiểu mới còn ở chỗ, Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về xây dựng đảng trong điều kiện mới, không dập khuôn, máy móc, giáo điều. Thế giới ngày nay có nhiều đặc điểm khác xa với thời của Mác, Lênin; đặc điểm của mỗi quốc gia, dân tộc cũng khác nhau, vì vậy làm rõ những giá trị cốt lõi của các nguyên lý, bổ sung và phát triển lý luận, đặc biệt là sự vận dụng, tổ chức thực

hiện trong điều kiện từng nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nhìn lại thực tiễn cách mạng Việt Nam, qua các giai đoạn lịch sử, công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng được tiến hành thường xuyên, liên tục. Bên cạnh những nguyên lý của Lenin về xây dựng chính đảng kiểu mới, được coi là những nguyên tắc bắt buộc trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Một số những quy định mang tính nguyên tắc luôn được nhấn mạnh trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng:

+ Coi trọng nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, như giữ gìn “ngươi của mắt mình”. Nhờ sự đoàn kết thống nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách để lãnh đạo đất nước đi đến thắng lợi như ngày nay.

+ Đề cao việc giáo dục đạo đức, lối sống, chống chủ nghĩa cá nhân trong công tác xây dựng Đảng. Lênin đã đề cập đến chống chủ nghĩa cơ hội, đây là vấn đề hết sức quan trọng, nhưng giáo dục đạo đức

nói chung và chống chủ nghĩa cá nhân có vị trí không kém để làm cho đảng kiểu mới vững mạnh. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

+ Chú trọng việc nêu gương của người đứng đầu, theo nguyên tắc đảng viên nêu gương trước quần chúng, người đứng đầu nêu gương trước tập thể. Khi sai phạm xử lý không có vùng cấm. Từ những ngày đầu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người đi đầu về

nêu gương, mà Người thường xuyên nhắc nhở “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

+ Thường xuyên đấu tranh chống các tư tưởng sai trái, thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc đấu tranh chống các tư tưởng sai trái, thù địch đã được các nhà kinh điển macxit quan tâm từ rất lâu. Tuy nhiên ngày nay, nội hàm của bảo vệ nền tảng tư tưởng có nhiều nội dung mới, cả về lý luận và thực tiễn đã được tổng kết ở Việt Nam và trên thế giới ■

---

1 C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.614-615.

2 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.47-48.

3, 6, 8 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.428-429, 476-477, 293.

4 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.33, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.33.

5 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.46, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.430.

7 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.307-308.

9 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.44, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.426.

10 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.32, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.425.

11 V.I.Lenin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.425.

12 ĐCSVN: *Văn kiện Đảng: Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.24.

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

## VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

### TƯ TƯỞNG CỦA V.I.LÊNIN

### VỀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

*Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương*

#### 1. Tư tưởng của V.I.Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp

C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân tích xã hội đương thời, phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, phân tích các cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đã đưa kết luận: những cuộc cách mạng sắp tới chỉ có thể thu được những thắng lợi nếu giai cấp nông dân ủng hộ những cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, nếu không thì bài “đơn ca” cách mạng của giai cấp vô sản sẽ trở thành bài “ai điếu”. Từ thực tiễn của các cuộc cách mạng, nhất là từ thực tiễn sinh động của Công xã Pari, C.Mác đã bổ sung cho lý luận của mình về liên minh giai cấp công nhân và giai cấp nông dân - đó là vai trò hết sức quan trọng của giai cấp nông dân không chỉ

trong việc giành chính quyền mà cả trong việc giữ chính quyền.

Kế thừa, bổ sung và phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về vị trí, vai trò, nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, V.I.Lênin cho rằng, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nguyên tắc tối cao của chuyên chính vô sản. Lênin chỉ rõ: “Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v..) hoặc với phần lớn những tầng lớp đó; liên minh nhằm chống lại tư sản, liên minh nhằm lật đổ hoàn toàn

tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản và những mưu toan khôi phục của giai cấp ấy, nhằm thiết lập và củng cố vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>. Lênin cũng chỉ rõ trong liên minh ấy, giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo, thông qua đội tiên phong của nó là đảng cộng sản. Lênin đặc biệt nhấn mạnh sau khi giành được chính quyền, chuyển sang giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải lấy kinh tế làm cơ sở. Do đó, phải gắn kết công nghiệp với nông nghiệp và khoa học kỹ thuật.

Theo Lênin, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là một tất yếu khách quan:

*Một là*, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là điều kiện bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; là điều kiện quyết định thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là mối liên hệ tự nhiên gắn bó và sự thống nhất lợi ích cơ bản của các giai cấp, tầng lớp.

*Ba là*, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức xuất phát từ sự gắn bó tất yếu giữa công nghiệp với nông nghiệp và khoa học kỹ thuật. Nếu không có sự liên minh chặt chẽ giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức thì các ngành kinh tế sẽ khó phát triển. Khối liên minh này tạo ra sức mạnh to lớn. V.I.Lênin chỉ rõ: “... thực hiện liên minh công nông là một việc khó, nhưng vô luận thế nào đó cũng là khối liên minh vô địch duy nhất để chống lại bọn tư bản”<sup>2</sup>.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức**

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã tìm thấy con đường cứu nước, cứu dân. Người khẳng định, muốn cứu nước, giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là



Đảng Cộng sản. Hồ Chí Minh xác định giai cấp công nhân là giai cấp tiến bộ nhất, cách mạng nhất, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Người khẳng định: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”<sup>3</sup>.

Hồ Chí Minh phân tích vị trí, vai trò của từng giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Người chỉ rõ: “Đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại vì là giai cấp tiên tiến nhất trong sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và

hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo”<sup>4</sup>.

Giai cấp nông dân là lực lượng đông đảo nhất, là quân chủ lực của cách mạng. Người chỉ rõ: “Trong điều kiện một nước nông nghiệp như nước ta thì vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề nông dân, cách mạng dân tộc thực chất là cách mạng của nông dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo”<sup>5</sup>; “Nhưng vì hoàn cảnh kinh tế lạc hậu, mà nông dân thường có tính thủ cựu, rời rạc, tư hữu. Cho nên giai cấp công nhân phải đoàn kết họ, giúp tổ chức họ và lãnh đạo họ, thì họ là một lực lượng rất to lớn, vững chắc. Thế là công nông liên minh”<sup>6</sup>.

Hồ Chí Minh sớm đánh giá cao vai trò của trí thức. Người xác định trí thức là tầng lớp hàng đầu xã hội Việt Nam. Người xác định, trí thức là bộ phận trong lực lượng cách mạng và là đồng minh ngày càng quan trọng của giai cấp công nhân. Người chỉ rõ: “Dưới chế độ dân chủ mới, những người lao động trí óc, cũng như lao động chân tay, đều có dịp phát huy và phát triển tài năng của mình nhằm mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Vì vậy

được đồng bào kính trọng, được Chính phủ và Đoàn thể nêu cao”<sup>7</sup>; “Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công cuộc cách mạng khó khăn nhiều”<sup>8</sup>.

### **3. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp trong tiến trình cách mạng Việt Nam**

Hơn 90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp, thể hiện ở những điểm nổi bật sau:

*Một là*, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức xây dựng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về thành lập đảng cộng sản vào điều kiện cụ thể Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân, mà còn là đội tiên phong của nhân

dân lao động, trong đó nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (năm 1930), khẳng định công nông là gốc của cách mạng, trí thức, học trò, nhà báo là bầu bạn của cách mạng.

“1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trừ bọn đại địa chủ và phong kiến.

3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.

4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v.. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”<sup>9</sup>.

*Hai là*, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng của Nhà nước.

Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được thông qua tại Đại hội II của Đảng (năm 1951) đã nêu rõ: “Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân, nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ...”

Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo”<sup>10</sup>.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng năm 1991 (viết tắt là Cương lĩnh năm 1991) xác định: “xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo”<sup>11</sup>.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì

nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo”<sup>12</sup>.

Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được thể chế hóa trong Hiến pháp.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định liên minh giai cấp với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng để thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn coi trọng đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã nhìn lại Việt Nam trong thế kỷ XX và xác định triển vọng trong thế kỷ XXI. Đại hội khẳng định: Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội xác định: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh

đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”<sup>13</sup>.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX, Hội nghị Trung ương 7 khóa IX đã ban hành Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đã khẳng định: Đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các Đại hội X, XI và XII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm trên. Đại hội XII xác định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo”<sup>14</sup>.

**4. Thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh quan điểm của Đảng ta về liên minh giai cấp công nhân với nông dân và trí thức là đúng đắn, khẳng định tư tưởng của Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp vẫn còn nguyên giá trị**

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của của Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp. Sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được phát huy, góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua gần 35 năm đổi mới.

Thực tiễn liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức của Việt Nam cùng với thực tiễn trên thế giới (cả thành công và thất bại) là minh chứng hùng hồn cho tư tưởng của Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp vẫn còn nguyên tính khoa học và cách mạng.

Để tiếp tục đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ

nghĩa, Đảng ta phải tiếp tục vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp trong điều kiện mới, nhất là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của nền kinh tế số... Đồng thời, Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ■

<sup>1</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.38, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tr.452.

<sup>2</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tr.340.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.441.

<sup>4,10</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.256, 274.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.416.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.258.

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, .6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.542.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.235.

<sup>9</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.3.

<sup>11</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.437.

<sup>12</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.85.

<sup>13</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.86.

<sup>14</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.158.

# MÔ HÌNH “CÔNG ĐOÀN PHÚC LỢI” VÀ “CÔNG ĐOÀN THƯƠNG LƯỢNG PHÚC LỢI”

● TS VŨ MINH TIẾN

*Viện trưởng Viện Công nhân và Công đoàn*

**N**gười lao động có nhu cầu và có quyền hưởng chế độ phúc lợi thoả đáng và tốt nhất. Bất kỳ ai và bằng cách nào mang lại điều đó cho người lao động thì đều rất được khích lệ. Công đoàn Việt Nam với truyền thống “chăm lo” cho người lao động, đã bằng cách “trực tiếp” và “thúc đẩy chủ động” mang lại phúc lợi cho người lao động. Đặt trong bối cảnh tổng thể và điều kiện hiện nay, Công đoàn Việt Nam cần chuyển trọng tâm từ “công đoàn phúc lợi” sang “công đoàn thương lượng phúc lợi”: phải sử dụng thương lượng để mang lại phúc lợi cho người lao động. Đây là cách có tính bền vững, hiệu quả và đúng với bản chất của công đoàn, đáp ứng nguyện vọng của đoàn viên. Đây cũng là phương thức hoà bình - văn minh mà các bên sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu lợi

ích của nhau, cùng xác định “điểm cân bằng hợp lý” lợi ích phù hợp, cùng nhau phát triển một cách bền vững, mang lại sự thịnh vượng chung cho đất nước và toàn xã hội.

## **1. Có những cách khác nhau để cùng mang lại phúc lợi cho người lao động**

Cũng như hầu hết mọi người trong xã hội, người lao động luôn mong muốn được hưởng chế độ phúc lợi thoả đáng và tốt nhất, đặc biệt đại đa số các tầng lớp lao động hiện nay đều đang gặp nhiều khó khăn trong việc làm, cuộc sống. Do vậy, bất kỳ ai (nhà nước, doanh nghiệp, xã hội, công đoàn...), bằng bất kỳ cách nào (trực tiếp, gián tiếp, thúc đẩy, góp phần...), miễn là hợp pháp, nếu mang lại điều đó cho người lao động thì đều rất được khích lệ và được người lao động đón nhận.

Dưới góc độ lịch sử, tổ chức Công đoàn Việt Nam ngay từ khi ra đời đến

nay có một truyền thống là luôn đặc biệt chú trọng “chăm lo” việc làm, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Điều này thể hiện bằng nhiều hình thức và ở mỗi giai đoạn có những sự thay đổi khác nhau. Có thể phân nhóm một cách tương đối thành 2 mô hình. Cả hai mô hình này đều có cùng mục tiêu “mang lại phúc lợi cho người lao động”, nhưng với cách thức và phương pháp không hoàn toàn giống nhau:

*Mô hình (i) theo hướng chủ đạo là tổ chức công đoàn trực tiếp mang lại phúc lợi cho người lao động:*

1. Xây dựng và triển khai các quỹ phúc lợi, chính sách an sinh xã hội phục vụ trực tiếp người lao động.
2. Vận hành các thiết chế, cơ sở hạ tầng phục vụ ưu đãi người lao động.
3. Vận hành các dịch vụ, hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ cho người lao động, như giới thiệu việc làm, đào tạo nghề...
4. Vận động, quyên góp để mang lại phúc lợi cụ thể cho người lao động.
5. Được Nhà nước giao, uỷ quyền quản lý nguồn lực để thực hiện các chính sách phúc lợi trực tiếp cho người lao động.

*Mô hình (ii) theo hướng chủ đạo là*

*tổ chức công đoàn thương lượng với người sử dụng lao động, với các đối tác xã hội để có được phúc lợi tốt nhất cho người lao động. Đó là các hoạt động “công đoàn thúc đẩy chủ động” mang lại phúc lợi cho người lao động:*

1. Định hướng, hỗ trợ người lao động tìm kiếm các nguồn lực để bảo đảm và tăng cường chế độ phúc lợi.
2. Vận động, đề xuất và tham gia xây dựng chế độ, chính sách về phân chia/phân phối phúc lợi, lợi ích xã hội; kiểm tra, giám sát việc thực thi chế độ, chính sách phúc lợi của người lao động. Việc này diễn ra ở tất cả các cấp độ: quốc gia, ngành, vùng, doanh nghiệp...
3. Đối thoại, thương lượng với các đối tác xã hội để xác định “điểm cân bằng hợp lý” phân chia/phân phối lợi ích nhằm mang lại phúc lợi và tăng cường phúc lợi cho người lao động. Việc này diễn ra ở tất cả các cấp độ: quốc gia, ngành, vùng, nhóm doanh nghiệp,... và phổ biến là ở cấp doanh nghiệp.

Đặt trong bối cảnh tổng thể, trong điều kiện tổng nguồn lực xã hội hạn hẹp thì việc xác định “ai và bằng cách nào mang lại phúc lợi cho người lao



động” là một bài toán kinh tế - chính trị - xã hội... rất quan trọng. Nó liên quan trực tiếp tới việc phân bổ và sử dụng nguồn lực, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, sự phát triển bền vững, tác động đa chiều - nhiều mặt, cả trước mắt và lâu dài... Do vậy, Công đoàn cũng cần xác định cách thức, phương pháp “mang lại phúc lợi” cho người lao động một cách thông minh, hiệu quả và bền vững.

## **2. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, Công đoàn Việt Nam phải chuyển trọng tâm từ “công đoàn phúc lợi” sang “công đoàn thương lượng phúc lợi”**

Điểm chung lớn nhất của Công đoàn trước thời kỳ đổi mới là: vừa thực hiện việc chăm lo, giáo dục, vận động công nhân, viên chức, lao động; vừa tham gia quản lý, đặc biệt là tham gia phân phối lương, phúc lợi; vừa triển khai các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, sản xuất... theo một “pháp lệnh” chung, thống nhất của cả hệ thống chính trị. Với lịch sử hoạt động lâu dài trong bối cảnh nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nơi mà người lao động được khuyến khích hỗ trợ người quản lý hoàn

thành các chỉ tiêu sản xuất, Công đoàn có xu hướng đóng vai trò trung gian giữa người lao động và người quản lý. Hoạt động công đoàn thường chỉ tập trung vào quản lý, phân phối phúc lợi và tổ chức các sự kiện văn hóa, xã hội, hơn là đại diện cho người lao động để thương lượng tập thể.

Trong thời kỳ trước, Công đoàn Việt Nam đã tập trung và đạt được nhiều kết quả trong việc “tham gia phân phối phúc lợi” và/hoặc “tham gia xây dựng chính sách về phân phối phúc lợi” ở tất cả các cấp độ. Đặc biệt, bằng các quy định về quản lý lao động - tiền lương, về quyền và trách nhiệm của các cấp Công đoàn đã thể hiện đặc điểm chung của công đoàn: tập trung lo phân phối phúc lợi cho công nhân, viên chức, lao động... chủ yếu là thông qua cơ chế: vị thế chính trị - và sự ghi nhận quyền hành của công đoàn tham gia phân bổ phúc lợi... Thậm chí, trong một thời gian dài trước năm 1995, Công đoàn còn được giao trách nhiệm quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội và sự nghiệp bảo hiểm xã hội.

Trong bối cảnh trước đây, mô hình này đã tỏ rõ tính ưu việt, góp phần

xứng đáng vào thành tựu đấu tranh giải phóng dân tộc và vượt qua những khó khăn của thời kỳ kinh tế kế hoạch, với 2 thành phần kinh tế - kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể. Tuy nhiên, bước vào thời kỳ phát triển kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần - phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, thì mô hình (1) bộc lộ nhiều hạn chế, cần phải điều chỉnh cho phù hợp. Từ kinh nghiệm những năm trước đổi mới ở Việt Nam và bài học của một số quốc gia cho thấy, những lý do phải điều chỉnh là: tính hiệu quả, năng lực quản trị - điều hành - quản lý, nguồn lực bị chia sẻ làm ảnh hưởng đến thực hiện chức năng cốt lõi, nhiều đoàn viên không gắn kết với công đoàn... Đặc biệt là bảo đảm tính bền vững, tính hiệu quả kinh tế là rất khó duy trì trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường toàn cầu:

- Cộng hòa Liên bang Đức: Liên hiệp Công đoàn Đức (DGB) trong giai đoạn 1960 - 1980 đã thành lập các doanh nghiệp xã hội (không đặt mục tiêu lợi nhuận), ngân hàng, xây dựng để hỗ trợ đoàn viên, với chi phí thấp, về nhu cầu nhà ở xã hội, bảo

hiểm tương hỗ, hợp tác xã tiêu dùng và dịch vụ tài chính ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó kinh doanh hiệu quả thấp và đến nay đã ngừng hoạt động.

- Nhật Bản: Công đoàn Nhật Bản cùng Liên minh hợp tác xã tiêu dùng thành lập Ngân hàng Lao động từ những năm 1950, hiện có khoảng 10 triệu đoàn viên, người lao động, người dân là thành viên trực tiếp, hoặc gián tiếp. Công đoàn Nhật bản đã cung cấp phúc lợi tài chính gồm các khoản vay, dịch vụ tài chính dựa trên nhu cầu của đoàn viên. Hiện nay hoạt động này đang gặp phải cạnh tranh rất khốc liệt.

- Singapore: Công đoàn nước này đã thành lập hàng loạt các doanh nghiệp trong các lĩnh vực: siêu thị thực phẩm, siêu thị bán lẻ, dịch vụ y tế và chăm sóc người già, nhà trẻ, bảo hiểm, đào tạo, taxi, nhà ở giá thấp, tiết kiệm và cho vay... Tuy nhiên, hiện một số doanh nghiệp taxi, nhà ở, tiết kiệm và cho vay đã giải thể; hệ thống siêu thị và dịch vụ cũng gặp cạnh tranh rất khốc liệt của thị trường và hoạt động khá khó khăn.

- Công đoàn ở một số nước khác, như Ấn Độ, Mỹ, Thụy Điển, Anh,

Philippines, Thái Lan và Brazil... cũng cung cấp các dịch vụ như tài chính, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe, an toàn lao động... nhưng ở phạm vi ngành, khá hẹp. Hiện nay hoạt động tương đối tốt, nhưng đòi hỏi trình độ quản lý cao nhưng một số cũng bộc lộ tính kém hiệu quả.

### **3. Công đoàn thương lượng tăng cường phúc lợi cho người lao động là con đường hiệu quả, bền vững**

Ngày nay, kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, quan hệ lao động đã trở nên phức tạp hơn với sự khác biệt về lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động. Cùng với đó, vai trò của Nhà nước đối với quan hệ lao động đang và sẽ thay đổi mạnh mẽ, không can thiệp trực tiếp vào quan hệ lao động; việc thiết lập và thực hiện quan hệ lao động sẽ do chính các bên tiến hành thông qua phương thức thương lượng, thỏa thuận, đối thoại là chủ yếu. Do vậy, những phúc lợi hay cụ thể là những lợi ích tốt hơn của người lao động không thể tự đứng mà có, cũng như rất khó để chờ đợi sự “tự nguyện”

chia sẻ lợi ích từ giới chủ và từ các đối tác xã hội khác, cũng như có các chính sách phân phối phúc lợi tốt cho người lao động ở cấp quốc gia.

Từ các điều trên đòi hỏi Công đoàn phải tập trung vào thương lượng tăng cường phúc lợi/lợi ích cho người lao động. Đối thoại - thương lượng để cùng người sử dụng lao động phân phối lợi ích - thành quả mà cả 2 bên cùng mang lại, xác định “điểm cân bằng hợp lý” về lợi ích, tìm kiếm sự hài hòa giữa người lao động và người sử dụng lao động - người lao động có việc làm, thu nhập và cuộc sống tương xứng thành quả lao động - người sử dụng lao động có lợi nhuận, phát triển bền vững.

Thông qua thương lượng phân phối lại lợi ích/phúc lợi hiệu quả ở cấp cơ sở, ngành, khu vực là yếu tố quyết định không để xảy ra đình công tự phát, giảm mâu thuẫn, bất bình trong lao động ở cấp doanh nghiệp, ngành, vùng...; thương lượng phân phối lại phúc lợi cấp quốc gia và tham gia xây dựng chính sách phân phối phúc lợi xã hội là yếu tố bảo đảm hài hòa lợi ích xã hội, các tầng lớp giai cấp, đặc biệt là giữa giới

sử dụng lao động và người lao động.

Như vậy, từ nhu cầu nội tại quan hệ lao động và vai trò công đoàn trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, từ những mặt tích cực và tiêu cực song song của mô hình “công đoàn phúc lợi” trong bối cảnh hiện nay, thì đều dẫn đến một “con đường” chủ đạo: công đoàn phải sử dụng thương lượng để mang lại phúc lợi cho người lao động. Đây là cách thức, phương pháp có tính bền vững, hiệu quả và đúng với bản chất của công đoàn, đáp ứng nguyện vọng của đoàn viên. Công đoàn tập trung đối

thoại - thương lượng về lương, phúc lợi, nhưng trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc: độc lập trong thương lượng lợi ích, nhưng hợp tác cùng doanh nghiệp phát triển bền vững, hài hoà lợi ích - gắn mục tiêu xây dựng quan hệ lao động tiến bộ - hài hoà - ổn định. Đây cũng là phương thức hoà bình - văn minh mà các bên sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu lợi ích của nhau, cùng xác định điểm cân bằng lợi ích phù hợp, cùng nhau phát triển một cách bền vững, mang lại sự thịnh vượng chung cho đất nước và toàn xã hội ■

### Tài liệu tham khảo:

1. Ban Đối ngoại - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2014): *Tổ chức công đoàn các nước trên thế giới*. NXB. Lao động.
2. Nguyễn Duy Dũng (chủ biên) dịch: *Chính sách và biện pháp giải quyết phúc lợi xã hội ở Nhật Bản*, Nxb Khoa học - Xã hội (1998).
3. Ban Chính sách - Kinh tế - Xã hội và Thi đua khen thưởng - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2019): *Giải pháp nâng cao phúc lợi cho đoàn viên và người lao động*, đề tài cấp bộ.
4. Đinh Công Tuấn (2013): *An sinh xã hội Bắc Âu trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và bài học cho Việt Nam*, Nxb Khoa học - Xã hội.
5. Viện Công nhân và Công đoàn (2015): *Tác động việc làm, quan hệ lao động và hoạt động công đoàn khi Việt Nam thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Nxb Lao động.

# CHÍNH PHỦ VIỆT NAM ĐẠT TÍN NHIỆM CAO NHẤT TRONG CUỘC CHIẾN CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

**N**gày 30-3, trang daliaresearch.com của tổ chức Dalia (CHLB Đức) công bố nghiên cứu toàn cầu về COVID-19 nhằm đánh giá xếp hạng chính phủ của các quốc gia cũng như tín nhiệm của người dân đối với quyết sách của chính quyền lãnh đạo đất nước trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19.

Dalia Research đã tiến hành nghiên cứu mang quy mô toàn cầu, trong đó tập trung đánh giá nhận thức của người dân về phản ứng của chính phủ liên quan đến tình hình dịch bệnh. Đã có 32.631 người ở 45 quốc gia tham gia đánh giá chính phủ của mình, cụ thể về các nội dung như: hệ thống chính sách, biện pháp, ngăn chặn và dập dịch cùng những nỗ lực chiến đấu đẩy lùi dịch bệnh COVID-19.

Đặc biệt, theo khảo sát của tổ chức nghiên cứu Dalia, 62% người Việt Nam cho rằng chính phủ đã thực thi các biện pháp kiểm soát dịch bệnh COVID-19 phù hợp. Đây là mức tín

nhiệm cao nhất thế giới mà người dân dành cho chính phủ của mình.

Việt Nam dẫn đầu với mức tín nhiệm dành cho chính phủ đạt mức cao nhất trong phần “đánh giá khảo sát quan điểm của người dân về việc chính phủ đã phản ứng kịp thời, đúng đắn và nhanh nhạy” nhằm đẩy lùi đại dịch COVID-19.

Như vậy, theo kết quả nghiên cứu và xếp hạng của Dalia, Việt Nam là quốc gia mà người dân có mức độ hài lòng và tin tưởng cao nhất đối với chính phủ về những quốc sách đã thực hiện nhằm phòng chống dịch bệnh COVID-19.

Có thể nói, tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đang kiểm soát rất tốt dịch bệnh COVID-19 do chủng mới của virus corona gây nên. Dù không phải quốc gia giàu có nhất Đông Nam Á, nhưng Việt Nam được đánh giá là hình mẫu và tấm gương trong cuộc chiến chống lại dịch bệnh COVID-19 ■

# NHỮNG XU HƯỚNG KINH TẾ MỚI TỪ DỊCH COVID-19

Tờ Straits Times (Singapore) ngày 1/4 đăng bài bình luận của tác giả Vikram Khanna nhận định rằng đại dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 sẽ trở thành vấn đề có tính quyết định của năm 2020, châm ngòi cho những thay đổi về quan điểm, nhận thức và xu hướng kinh tế trong giai đoạn hiện nay.

\* Trụ cột vững chắc cho chủ nghĩa đa phương

Trước khi đại dịch diễn ra, các tổ chức quốc tế như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) đã phân hóa với vai trò bị lu mờ, đặc biệt là kể từ khi ông Donald Trump lên nắm quyền năm 2017. Quan điểm của vị Tổng thống Mỹ này gắn chặt với sự nghi ngờ sâu sắc về vai trò của chủ nghĩa đa phương.

Khi dịch COVID-19 bùng phát, những định chế đa phương nói trên đang dần lấy lại được vị trí của mình. Vai trò của các tổ chức này lại càng quan trọng đối với các quốc gia

nghèo, kém phát triển vốn thiếu hụt nhiều nguồn lực hoặc kiến thức chuyên môn để đối phó với những tác động, ảnh hưởng tiêu cực mà dịch bệnh gây ra.

Mặc dù có có phản ứng được đánh giá là khá chậm chạp đối với đại dịch, song WHO đã dần thiết lập lại vai trò là một nguồn thông tin tin cậy, có tính chuyên môn cao cũng như là nguồn cung cấp các nhu yếu phẩm y tế, bao gồm các bộ xét nghiệm nhanh.

Định chế tài chính IMF cũng đang cung cấp hỗ trợ cho các quốc gia nghèo, kém phát triển và sẵn sàng huy động 1.000 tỷ USD để giúp đỡ các quốc gia thành viên chống lại đại dịch. WB cũng cam kết cung cấp hỗ trợ tài chính trị giá 150 tỷ USD trong vòng 15 tháng tới. Điều đó đã góp phần làm gia tăng sự đánh giá tích cực đối với vai trò của các tổ chức, định chế đa phương.

\* Tái định hình các chuỗi cung ứng  
Các chuỗi cung ứng toàn cầu đang

được định hình lại. Tiến trình này vốn đã bắt đầu khi diễn ra cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung nhưng giờ đây tiến trình này sẽ tăng tốc. Trọng tâm của các doanh nghiệp sẽ chuyển từ tối ưu hóa hiệu quả nguồn cung ứng sang nỗ lực thúc đẩy khả năng phục hồi. Việc này được thực hiện bằng cách đa dạng hóa nguồn cung cấp, bổ sung vào các mặt hàng trong kho dự trữ và “hồi hương” một phần hoặc toàn bộ dây chuyền sản xuất.

Đại dịch viêm phổi COVID-19 đã mang lại cho thế giới một số bài học lớn về chuỗi cung ứng. Ví dụ, Trung Quốc là nhà cung cấp thiết bị bảo hộ y tế lớn nhất thế giới. Việc gián đoạn xuất khẩu vì sự bùng phát dịch COVID-19 ban đầu đã dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn cung các thiết bị này, khiến các nhân viên y tế ở những nơi khác đối mặt với nguy cơ tiếp xúc với virus. Mặt khác, ngành công nghiệp xe hơi cũng chịu thiệt hại nặng nề do thiếu phụ tùng linh kiện (do nhiều bộ phận được sản xuất tại Vũ Hán - một trong những trung tâm sản xuất phụ tùng ô tô lớn của thế giới). Ngoài ra, Trung Quốc cũng là nhà cung cấp chính các hoạt

chất được phẩm để phục vụ sản xuất thuốc, và hoạt động trong lĩnh vực này cũng đã bị gián đoạn.

Việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và bổ sung kho hàng hóa dự trữ sẽ có cả tác động tích cực và tiêu cực. Về mặt tích cực, biện pháp này thúc đẩy đầu tư nhiều hơn vào các khu vực trên thế giới ngoài Trung Quốc, như Nam Á, Đông Nam Á và Mexico. Nhưng đồng thời phương thức này cũng sẽ làm cho chi phí tăng cao hơn, vì nhiều quốc gia khác không thể bắt kịp với hiệu quả chi phí sản xuất tại Trung Quốc. Ngoài ra, sự cần thiết phải lưu giữ thêm các mặt hàng trong kho cũng sẽ đòi hỏi nhiều chi phí hơn.

\* Thay đổi trong quan điểm kinh tế

Với việc nhiều nền kinh tế đang đối mặt với suy thoái, các chính phủ đã dỡ bỏ tất cả “phanh hãm” về tài khóa và tiền tệ. Mục đích chính là giúp các doanh nghiệp duy trì hoạt động và người lao động được tiếp tục làm việc càng lâu càng tốt nhằm ngăn chặn hậu quả về dài hạn đối với nền kinh tế. Các biện pháp kích thích cũng nhằm hỗ trợ các công ty có thể



phục hồi hoạt động khi đại dịch đi qua.

Nước Mỹ, Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone), Nhật Bản, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Canada và Singapore và nhiều quốc gia khác, đã đưa ra nhiều gói kích thích kinh tế khổng lồ. Điều này chắc chắn sẽ dẫn đến vấn đề thâm hụt ngân sách, nhưng trong bối cảnh hiện nay, tiền không phải là vấn đề. Thống đốc Ngân hàng trung ương Canada Stephen Poloz cho rằng “sẽ chẳng ai chỉ trích người lính cứu hỏa về việc sử dụng quá nhiều nước để dập lửa”.

Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để bù đắp mức thâm hụt đó? Trong trường hợp của Singapore, nước này đang trích nguồn vốn từ dự trữ ngân sách quốc gia. Tuy nhiên, tại nhiều quốc gia khác, các ngân hàng trung ương đang “bơm tiền” bằng cách mua trái phiếu chính phủ.

Đây chính là điều mà Lý thuyết Tiền tệ Hiện đại (MMT) đã mô tả. Thông điệp chính của lý thuyết này là không có bất kỳ sự giới hạn, kiểm soát nguồn tài chính nào tại các quốc gia có đồng tiền của riêng nước đó; trong một cuộc suy thoái, các chính

phủ cần phải hỗ trợ lĩnh vực kinh tế tư nhân; và vấn đề ưu tiên chính là cân bằng nền kinh tế chứ không phải cân bằng thâm hụt ngân sách. Lý thuyết MMT chỉ nhận được sự ủng hộ của một bộ phận thiểu số các nhà kinh tế học. Tuy nhiên, hiện nay, lý thuyết này đã trở thành quan điểm chủ đạo. Đây là sự thay đổi lớn trong các quan điểm, lý thuyết kinh tế.

Liệu thâm hụt ngân sách và những khoản nợ khổng lồ có dẫn đến lạm phát hay không? Nguy cơ này đã không diễn ra sau Chiến tranh Thế giới thứ hai và cũng không xảy ra tại Nhật Bản, quốc gia đã và đang in tiền để bù đắp thâm hụt trong nhiều năm qua. Nhật Bản cũng có khoản nợ công tiệm cận mức 250% GDP. Dù vậy, các chuyên gia kinh tế nhận định viễn cảnh những năm tới sau khi đại dịch COVID-19 kết thúc vẫn chưa có cơ sở để suy đoán được.

\* Mạng lưới an toàn xã hội mạnh mẽ hơn

Dịch COVID-19 ít nhất có thể nhấn mạnh tầm quan trọng của những mạng lưới an toàn xã hội, như hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, hệ thống chăm sóc sức khỏe y tế đã

năng, hệ thống hưu trí cho người lao động hay hệ thống chi trả cho người lao động buộc phải nghỉ việc do ốm đau bệnh tật.

Dịch bệnh sẽ dẫn tới việc cắt giảm hàng loạt việc làm tại nhiều quốc gia cũng như làm gia tăng sự bất bình đẳng. Chi phí cho hoạt động “giãn cách xã hội” cũng sẽ tăng cao, trực tiếp ảnh hưởng tới hàng triệu người lao động có công việc đòi hỏi sự giao tiếp giữa người với người như những người chăm sóc y tế sức khỏe, lái xe taxi, nhân viên chăm sóc khách hàng và các ngành nghề khác. Đây là những người không có khả năng được hưởng “sự làm việc tại nhà xa xỉ”, “làm bao nhiêu ăn hết bấy nhiêu” và thường không có gì để tiết kiệm.

Các chính phủ cần nhận ra rằng mạng lưới an toàn xã hội là cực kỳ thiết yếu để bảo vệ những người lao động như vậy. Việc xây dựng một hệ thống chăm sóc sức khỏe, y tế toàn diện sẽ cần được ưu tiên nhiều hơn. Đại dịch COVID-19 do đó nhấn mạnh tầm quan trọng của đầu tư vào hệ thống chăm sóc sức khỏe y tế công cộng.

\* Sự bùng nổ giao tiếp từ xa

Công nghệ giao tiếp từ xa đang bùng nổ. Một cuộc khảo sát hơn 800 công ty do công ty tư vấn Gartner tiến hành vào giữa tháng 3/2020 cho thấy, 88% các công ty hiện nay đã và đang khuyến khích hoặc thậm chí yêu cầu nhân viên làm việc tại nhà.

Với việc hoạt động đi lại bị gián đoạn, nhiều công ty đã đưa ra các ứng dụng mới phục vụ các cuộc họp trực tuyến như công cụ Google Hangouts, GoToMeeting và Zoom.

Việc khám chữa bệnh từ xa, cho đến thời gian gần đây vẫn không phải là hoạt động y tế phổ biến, cũng đang bắt đầu được áp dụng nhiều hơn. Nhiều phòng khám, đặc biệt là tại các nền kinh tế hiện đại, đã triển khai dịch vụ khám bệnh từ xa, cho phép một số bệnh nhân ở nhà và vẫn có thể nhận được hướng dẫn chữa trị từ bác sĩ, không chỉ đối với mỗi dịch COVID-19 mà còn cả các loại bệnh khác. Các bệnh viện cũng đã bắt đầu sử dụng “các phòng hồi sức tích cực từ xa – tele ICU” (thông qua các cuộc gọi truyền hình hai chiều kết nối bệnh nhân hồi sức tích cực với bác sĩ và y tá ở hai địa điểm xa nhau).

Tại Mỹ, gói kích thích kinh tế trị giá 2.000 tỷ USD cũng có một phần hỗ trợ tài chính cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa, đồng thời chính phủ cũng thúc đẩy việc giảm bớt những yêu cầu và kiểm soát đối với việc ứng dụng các dịch vụ này. Tại Singapore, đã có 11 nhà cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh từ xa, một số trong đó cung cấp dịch vụ tư vấn khám bệnh 24/7 thông qua truyền hình trực tiếp với các y bác sĩ được cấp chứng nhận hành nghề và có thể kê đơn thuốc.

Các lĩnh vực khác cũng ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào công nghệ giao tiếp từ xa. Trong lĩnh vực giáo dục, các trường đại học và trường phổ thông cũng đã ghi nhận sự chuyển đổi sang các nền tảng học trực tuyến. Các hội thảo, hội nghị cũng đang được tổ chức theo mô hình trực tuyến. Ngày càng nhiều chương trình giải trí, trải nghiệm văn hóa đời sống (bao gồm các các buổi biểu diễn tại nhà hát hay các chuyến tham quan bảo tàng...) cũng đang được chuyển tải tới khán giả thông qua phương tiện kỹ thuật số.

Mặc dù công nghệ giao tiếp từ xa cũng có những hạn chế nhất định,

nhưng khi đại dịch COVID-19 kết thúc, sẽ có ngày càng nhiều người sử dụng chúng song song với các cách thức truyền thống. Bên cạnh đó, cải tiến và đổi mới sẽ giúp các công nghệ giao tiếp từ xa trở nên thân thiện và hiệu quả với nhiều quyền năng hơn. Việc áp dụng nhiều hơn công nghệ này sẽ có những tác động lớn đối với một số lĩnh vực, khía cạnh của nền kinh tế, trong đó bao gồm mảng bất động sản văn phòng, kinh doanh du lịch, lĩnh vực y tế và giáo dục cũng như ngành công nghiệp MICE (hội nghị, hoạt động xúc tiến kinh doanh, hội thảo và các sự kiện/triển lãm).

\* Tác động hỗn hợp đối với thương mại điện tử

Thực tế là các biện pháp “giãn cách xã hội” và yêu cầu người dân “ở trong nhà” để phòng chống dịch COVID-19 sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng của thương mại điện tử do người tiêu dùng hạn chế tới các chuỗi cửa hàng bán lẻ, nhà hàng và quán bar. Sự bùng phát dịch SARS năm 2003 được xem là một yếu tố thúc đẩy lĩnh vực thương mại điện tử, sản sinh ra những “người khổng lồ” thương mại điện tử Trung Quốc

như Alibaba và JD.com. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 thì nguy hiểm hơn, lây lan rộng và biến đổi nhanh hơn. Những căn cứ cho đến nay cho thấy tác động và ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với ngành thương mại điện tử là có tính hỗn hợp.

Nghiên cứu do hãng phân tích người tiêu dùng Nielsen và Hiệp hội thương mại điện tử châu Âu cho thấy, trong khi nhu cầu đối với một số loại mặt hàng (như là thực phẩm, thuốc men và các sản phẩm vệ sinh cá nhân) đã tăng mạnh, thì hoạt động thương mại điện tử có liên quan tới một loạt hàng hóa và dịch vụ khác (trong đó bao gồm các sản phẩm tiêu dùng lâu bền, thời trang, hàng hóa xa xỉ, hàng không và khách sạn...) đã sụt giảm nghiêm trọng. Nhìn chung, doanh thu suy giảm do nhu cầu thấp hơn, việc đóng cửa kinh doanh và những khó khăn khác của doanh nghiệp trong nỗ lực đáp ứng các đơn hàng.

\* Động lực thúc đẩy hoạt động chống biến đổi khí hậu

Sự lây lan của virus SARS-CoV-2 gây bệnh COVID-19 đã củng cố phần nào thực tế là thế giới sẽ đối

mặt với những mối nguy hiểm bao trùm hơn nữa. Các đại dịch là một ví dụ điển hình. Biến đổi khí hậu cũng có thể “kích hoạt” những thảm họa trên phạm vi toàn cầu.

Việc lây nhiễm virus từ động vật sang con người một phần là kết quả của sự tàn phá rừng và mất đi sự đa dạng sinh học, vốn đã đẩy các loài động vật ra khỏi các khu vực sinh sống tự nhiên của chúng và di chuyển gần hơn tới các khu vực sinh sống của con người. Điều này làm gia tăng nguy cơ lây nhiễm chéo giữa các loài.

Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu của Liên hiệp quốc cũng đã cảnh báo rằng việc Trái Đất ấm lên dường như sẽ làm gia tăng sự bùng phát các loại virus mới. Hoạt động buôn bán động vật hoang dã cũng là một mối nguy hiểm.

Một trong những điểm tích cực mà đại dịch COVID-19 mang lại chính là việc giúp con người nâng cao nhận thức hơn về vấn đề biến đổi khí hậu, coi đó là một mối đe dọa hiện hữu có tính sống còn đối với thế giới ■

PV